UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI ÂN

KẾ HOẠCH
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI ÂN

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thu Hiền	Hiệu trưởng	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thị Hằng	P. Hiệu trưởng	Tổ phó	
3	Nguyễn Linh Phương	P. Hiệu trưởng	Ủy viên	
4	Hoàng Thị Hải Yến	TTCM tổ 1,2,3	Ủy viên	
5	Hà Anh Đào	TPCM tổ 1,2,3	Ủy viên	
6	Nguyễn T.Phương Hồng	TPCM tổ 1,2,3	Ủy viên	
7	Doãn Thị Tình	TTCM tổ 4,5	Ủy viên	
8	Nguyễn Thị Thanh Minh	TPCM tổ 4,5	Ủy viên	
9	Trần Thị Thùy Dung	BTCĐ	Ủy viên	
10	Lương Thị Tố Hoài	Ban TTND	Uỷ viên	
11	Phạm Thị Thanh Trang	Kế toán	Ủy viên	
12	Trần Thị Thu Hằng	Tổng PTĐ	Thư ký	

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TH NGHI ÂN

Số: 61 /KH-THNÂ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2025 - 2026

Kế hoạch thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường Tiểu học Nghi Ân được xây dựng nhằm mục tiêu: nâng cao hiệu quả hoạt động ĐBCL giáo dục, góp phần cải thiện chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường; đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện thành công Chương trình GDPT 2018. Kế hoạch hướng tới việc chuẩn bị cho học sinh nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện, rèn luyện các giá trị sống, kỹ năng mềm và năng lực hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn mới.

Việc xây dựng Kế hoạch ĐBCL được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và UBND phường Vinh Phú; đồng thời bảo đảm phù hợp với mục tiêu giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn.

Kế hoạch cũng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ quản lý trong việc gắn kết quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình, lấy người học làm trung tâm. Nội dung tiếp cận theo chuẩn đầu ra của Chương trình GDPT 2018, đồng thời bám sát hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Kế hoạch đảm bảo chất lượng được xây dựng trên nguyên tắc trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, có sự tham gia tích cực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cộng đồng địa phương; qua đó khẳng định quyết tâm của nhà trường trong việc không ngừng nâng cao chất lượng và uy tín.

I. Mục đích

Kế hoạch ĐBCL giúp Hiệu trưởng nhà trường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực…) nhằm tổ chức thực hiện một cách hệ thống các nhiệm vụ năm học với mục tiêu, phương thức, trình tự và thời gian cụ thể. Qua đó, đảm bảo chất lượng giáo dục bền vững, tạo sự phát triển ổn định, từng bước hình thành và lan tỏa văn hóa chất lượng trong toàn trường.

Tăng cường hiệu quả hoạt động ĐBCL để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Chuẩn bị cho học sinh nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện, kết hợp bồi dưỡng giá trị sống, kỹ năng mềm và năng lực hội nhập toàn cầu, từ đó đáp ứng nhu cầu

nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhà trường trở thành trung tâm đổi mới, sáng tạo, góp phần nâng cao vị thế và uy tín trong cộng đồng.

Tạo bước đột phá trong đổi mới quản trị nhà trường, phát động phong trào thi đua sôi nổi, cạnh tranh lành mạnh trong dạy – học và tuyển sinh; đồng thời xây dựng thương hiệu, củng cố uy tín, hướng tới hình thành văn hóa chất lượng bền vững trong ngành giáo dục.

II. Yêu cầu

Việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) giáo dục bên trong nhà trường cần tuân thủ các yêu cầu sau:

- Tuân thủ pháp luật và văn bản chỉ đạo: Bảo đảm thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An, UBND phường; đồng thời phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường.

- Chuẩn đầu ra rõ ràng, phù hợp thực tiễn: Xây dựng chuẩn đầu ra có tính khả thi, gắn với yêu cầu thực tế, có tính đối sánh, tạo động lực và môi trường thi đua tích cực giữa các tổ chuyên môn và giữa giáo viên; qua đó phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, lấy người học làm trung tâm.

- Tính toàn diện và khả thi: Kế hoạch ĐBCL phải bao quát đầy đủ các mặt hoạt động của nhà trường, đồng thời xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

III. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Công văn 683/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện công tác ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Công văn số 2180 /SGD&ĐT-KTKĐCLGD ngày 11/10/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Công văn số 2577/SGD&ĐT-QLCL Nghệ An, ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Sở GD&ĐT V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng, năm học 2025-2026;

- Công văn số 805/UBND-VHXH ngày 16 tháng 9 năm 2025 của UBND phường Vinh Phú V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng, năm học 2025-2026;

- Công văn Số 2386/SGDĐT-GDTH ngày 21/8/2025 của SGD Nghệ An V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2025-2026;

- Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, của nhà trường, trường tiểu học Nghi Ân xây dựng kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026 như sau:

IV. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Đảm bảo các yếu tố bối cảnh.

1.1. Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền và các tổ chức địa phương

- Nắm bắt bối cảnh địa phương: Nhà trường thường xuyên quan tâm, cập nhật tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán và xu hướng phát triển nghề nghiệp tại xã Nghi Ân, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An. Trên cơ sở đó, phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp trong công tác giáo dục phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực sống, học tập và làm việc cho học sinh. Đồng thời chú trọng xây dựng môi trường học tập thân thiện – an toàn – lành mạnh, đáp ứng các tiêu chuẩn 3, 4, 5 của Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

- Phối hợp trong hệ thống giáo dục địa phương: Trên địa bàn xã có 03 trường (mầm non, tiểu học, THCS), các đơn vị luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong nhiều hoạt động giáo dục.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Nhà trường phối hợp với chính quyền, các đoàn thể, tổ chức xã hội tổ chức các hoạt động trải nghiệm thiết thực cho học sinh như: chăm sóc gia đình có công với cách mạng, lao động công ích tại đài tưởng niệm Liệt sĩ, trải nghiệm tại làng nghề trồng rau sạch, trồng cây cảnh... Qua đó, hình thành kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm cộng đồng và lòng yêu quê hương.

- Lồng ghép giáo dục địa phương trong chương trình: Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục thực tiễn vào các môn học như: Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội, Lịch sử, Địa lý, Khoa học, STEM... góp phần phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo định hướng liên môn.

- Giáo dục tập thể: Hiệu trưởng chỉ đạo Liên đội phối hợp với tổ chuyên môn tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể có chất lượng như chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp cuối tuần, tạo môi trường rèn luyện kỹ năng và bồi dưỡng tinh thần đoàn kết.

- Phát huy truyền thông: Nhà trường sử dụng hiệu quả các kênh thông tin như website, Zalo, Messenger... để tuyên truyền, quảng bá và lan tỏa các hoạt động giáo dục, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, phụ huynh và cộng đồng.

- Phối hợp Nhà trường – Gia đình – Xã hội: Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tạo sự đồng thuận trong việc xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.2. Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh địa phương

a. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện CTrGDPT

Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trong nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện đội ngũ, CSVC và thiết bị dạy học hiện có, đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT đã ban hành[1].

- Chủ động, linh hoạt trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu cần đạt các môn học /Hoạt động giáo dục trong CTGDPT cấp Tiểu học; lựa chọn các môn học tự chọn, hoạt động giáo dục phù hợp với thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu người học, phù hợp đối tượng HS, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực và nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mĩ và kỹ năng sống, giá trị sống cho HS.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, chủ động lựa chọn nội dung, mạch kiến thức phù hợp để tích hợp, lồng ghép, bổ sung thay thế các nội dung của các môn học cũng như các hoạt động giáo dục một cách phù hợp; rà soát, bổ sung các nội dung tích hợp trong chương trình phù hợp với môn học, hoạt động trải nghiệm; điều chỉnh ngữ liệu trong sách giáo khoa (SGK) nhằm phù hợp với thực tế địa phương, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, tạo cơ hội, điều kiện để HS được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Chỉ đạo, hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tự chủ, linh hoạt, lựa chọn hợp lý nội dung, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học; phương pháp đánh giá; nguồn học liệu; thiết bị dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, nhà trường nhằm đảm bảo yêu cầu cần đạt của môn học, của hoạt động giáo dục. Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao năng lực số trong thiết kế bài dạy và kiểm tra đánh giá.

Nội dung các tiết Hoạt động trải nghiệm được sắp xếp linh hoạt, hợp lý giữa các hoạt động tập thể theo quy mô toàn trường, từng khối hoạc từng lớp. Tăng cường rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học cho học sinh.

b. Thực hiện CTrGDPT 2018.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục Tiểu học của các cấp, cụ thể:

---

[1] Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Quyết định số 2641/QĐ-UBND, ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Hướng dẫn số 2086/SGDĐT-GDTH, ngày 21/8/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025 – 2026;Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn 3539/ BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động giáodục Tin học cấp tiểu học; Công văn 3036/ BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học; Công văn 816/BGDĐT-GDTH ngày 9/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trìnhGDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học;

Triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cho học sinh; Coi trọng việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh tự học tập, rèn luyện, trải nghiệm ở nhà, ở ngoài nhà trường nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học/hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, đảm bảo học sinh hoàn thành chương trình lớp học theo quy định.

Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, chủ động lựa chọn nội dung, mạch kiến thức phù hợp để tích hợp, lồng ghép, bổ sung thay thế các nội dung của các môn học cũng như các hoạt động giáo dục một cách phù hợp như: dạy học bài học STEM, Kỹ năng công dân số; dạy học dự án; dạy học tích hợp liên môn, … ; kết hợp học tập trên lớp gắn với hoạt động trải nghiệm, thực hành tham quan thực tế, … nhằm giúp học sinh phát huy năng lực, phẩm chất.

Chỉ đạo, hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tự chủ, linh hoạt, lựa chọn hợp lý nội dung, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học; phương pháp đánh giá; nguồn học liệu; thiết bị dạy học;… phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, nhà trường nhằm đảm bảo yêu cầu cần đạt của môn học, của hoạt động giáo dục.

Nội dung các tiết Hoạt động trải nghiệm được sắp xếp linh hoạt, hợp lý giữa các hoạt động tập thể theo quy mô toàn trường, từng khối hoạc từng lớp. Tăng cường rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học cho học sinh.

1.3. Xây dựng văn hóa nhà trường

Xây dựng văn hóa nhà trường vừa là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là giải pháp lâu dài nhằm hình thành môi trường giáo dục chuẩn mực, thân thiện, an toàn và sáng tạo. Đây là nền tảng để nâng cao chất lượng dạy học, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực cho học sinh, đồng thời góp phần khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường trong cộng đồng.

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể xây dựng môi trường làm việc và học tập thân thiện, dân chủ, hiệu quả; đẩy mạnh đổi mới trong quản lý, phân cấp và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chuyên môn và giáo viên trong công tác đảm bảo chất lượng dạy học. Tổ chức phong trào thi đua "Dạy tốt – Học tốt" một cách thiết thực, hiệu quả, tạo nền tảng xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn trường.

Việc xây dựng văn hóa nhà trường nhằm tạo dựng một môi trường giáo dục lành mạnh – an toàn – chuẩn mực, với các nội dung chủ yếu:

- Thống nhất nhận thức và nâng cao hiểu biết của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh về vai trò, ý nghĩa của văn hóa nhà trường trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

- Xây dựng bầu không khí sư phạm lành mạnh – dân chủ – đoàn kết, hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phát triển văn hóa giảng dạy tích cực, đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay.

- Hình thành văn hóa học tập tích cực, sáng tạo; xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, chuẩn mực trong toàn trường.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường sư phạm hiện đại, xanh – sạch – đẹp – an toàn.

- Xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, đảm bảo tính khoa học, phù hợp với điều kiện địa phương và đặc thù của đơn vị.

- Phát hiện, tuyên dương, nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; đồng thời kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm quy tắc ứng xử, góp phần điều chỉnh, hoàn thiện quá trình xây dựng văn hóa nhà trường.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm; đẩy mạnh giao lưu, học tập mô hình văn hóa nhà trường giữa các đơn vị để hoàn thiện bộ tiêu chuẩn, tiêu chí văn hóa một cách thiết thực, cụ thể.

Phấn đấu xây dựng Trường Tiểu học Nghi Ân trở thành một trung tâm văn hóa – giáo dục tiêu biểu của phường Vinh Phú.

1.4. Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn kinh phí hằng năm

Nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ; lập kế hoạch phân bổ kinh phí hằng năm cho các hoạt động giáo dục một cách hợp lý, hiệu quả và được thông qua tại Hội nghị viên chức.

Kinh phí được ưu tiên cho việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thiết yếu như: xây dựng phòng Thư viện đạt chuẩn *Room to Read*, thay thế ti vi hiện đại cho các lớp học; đồng thời bảo đảm nguồn kinh phí hợp lý phục vụ hoạt động chuyên môn, dạy học và các nhiệm vụ trọng tâm khác.

Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí gắn với Kế hoạch đảm bảo chất lượng, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn, yêu cầu phát triển và có tính khả thi cao.

Công tác quản lý, sử dụng kinh phí được đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban Thanh tra nhân dân và tập thể viên chức. Định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá, công khai kết quả trước toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên để bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong việc sử dụng ngân sách.

1.5. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị – xã hội, đoàn thể

- Tăng cường phát huy vai trò của các tổ chức chính trị – xã hội, đoàn thể trong và ngoài nhà trường như: Chi đoàn, Liên đội, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Đoàn phường, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh… trong công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức đoàn thể của địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình công tác, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của cán bộ, giáo viên và học sinh.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao phong phú, thiết thực cho giáo viên và học sinh; qua đó tạo môi trường tích cực, góp phần hình thành năng lực, phẩm chất và kỹ năng sống cho học sinh.

- Chăm lo, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn: phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, Liên đội thường xuyên động viên, thăm hỏi, hỗ trợ để bảo đảm 100% học sinh khó khăn được trang bị đầy đủ đồ dùng học tập, không để em nào phải bỏ học.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp ngay từ đầu năm học giữa nhà trường và các đoàn thể để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Phối hợp với Công an phường, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Ban An toàn giao thông, Ban dân số và các tổ chức liên quan tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, hội thi, vẽ tranh… về pháp luật, an toàn giao thông, giới tính, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống… nhằm trang bị cho học sinh kiến thức, thái độ và hành vi đúng đắn.

- Mở rộng các sân chơi trí tuệ, văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho học sinh và giáo viên; đa dạng hóa hoạt động giáo dục, tạo cơ hội phát triển toàn diện và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1.6. Đẩy mạnh công tác vận động tài trợ

- Phối hợp với chính quyền địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động xã hội hóa giáo dục; tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tổ chức khảo sát, xây dựng dự toán và thống nhất chủ trương vận động tài trợ với Ban đại diện cha mẹ học sinh; đồng thời phối hợp với UBND phường Vinh Phú để xây dựng kế hoạch vận động tài trợ năm học 2025–2026. Nguồn tài trợ tập trung cho các hạng mục thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng trong tham gia các hoạt động giáo dục thông qua công tác vận động, xã hội hóa bằng nhiều hình thức:

+ Tổ chức các cuộc họp phụ huynh ở lớp, ở trường để tăng cường hiểu biết, chia sẻ thông tin về nhà trường.

+ Lồng ghép tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ đầu tuần, sinh hoạt cuối tuần… để nâng cao nhận thức, huy động sự đồng thuận và ủng hộ của cha mẹ học sinh, cộng đồng.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội nhằm xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện.

Việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài trợ không chỉ nhằm bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học mà còn gắn trực tiếp với mục **tiêu** đáp ứng chuẩn đầu ra của học sinh theo từng lớp học, cấp học; bảo đảm học sinh được phát triển đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Toàn bộ quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng tài trợ được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định; có sự giám sát của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức liên quan, nhằm bảo đảm tính khách quan, hiệu quả và tạo niềm tin cho phụ huynh, cộng đồng.

2. Xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục.

2.1. Bảo đảm chất lượng tuyển sinh

- Phối hợp với các trường mầm non trên địa bàn để nắm bắt thông tin về kết quả đánh giá trẻ theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi ban hành kèm Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23/7/2010 của Bộ GD&ĐT, làm căn cứ trong công tác tuyển sinh.

- Xây dựng và thực hiện quy chế tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch; bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công bằng; tuyển đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, đủ chỉ tiêu theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp, nhằm huy động 100% trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp, góp phần xây dựng môi trường giáo dục toàn diện.

- Tổ chức tuyển sinh đúng kế hoạch phát triển của nhà trường đã được Phòng GD&ĐT thành phố Vinh phê duyệt, bảo đảm tính khoa học, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế. *(Kế hoạch Tuyển sinh năm học 2025-2026 đã được PGD&ĐT TP Vinh phê duyệt ngày 12 tháng 06 năm 2025).*

Nội dung	Tổng	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Số lớp	29	6	5	6	6	6
Số học sinh	1105	218	202	218	226	241

(Hiện tại Trường đã tuyển sinh được 100% *trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào lớp 1).*

Thực hiện phổ cập bắt buộc, trường phải huy động hết trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào học lớp 1. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng, dân chủ khi tuyển sinh, xếp lớp theo phần mềm tự động.

Từ thông tin công tác tuyển sinh lớp 1, Hiệu trưởng nắm tình hình đặc điểm đối tượng học sinh để chuẩn bị phương án bố trí các GV làm nhiệm vụ chủ nhiệm và dạy học các lớp khối 1, GV được bắt thăm nhận lớp theo quy định.

2.2. Đăng ký chất lượng đầu ra.

Dựa vào sự bàn giao của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn của năm học trước liền kề, sau khoảng 2-3 tuần học, GV đăng ký chất lượng đầu ra với Hiệu trưởng. *(Phụ lục 1)*

Khối 1

1. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh (Theo chuẩn đầu ra)

STT	Môn học, HĐGD, năng lực, phẩm chất	HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
	Tổng số HS: ….							
	MÔN HỌC VÀ HĐGD							
I	***Kết quả học tập***							
1	Tiếng Việt	177	81,6%	36	16,6%	4	1,8 %	
2	Toán	177	81,6%	36	16,6%	4	1,8 %	
3	Tiếng Anh	173	79,8%	40	18,4%	4	1,8 %	
	NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT	**Tốt**		**Đạt**		**CCG**		**Ghi chú**
		SL	**Tỷ lệ**	**SL**	**Tỷ lệ**	**SL**	**Tỷ lệ**	
II	***Năng lực cốt lõi***							
1	***Năng lực chung***							
1.1	Tự chủ và tự học	178	81,7%	40	18,3%			
1.2	Giao tiếp và hợp tác	178	81,7%	40	18,3%			
1.3	GQVĐ và sáng tạo	178	81,7%	40	18,3%			
2	***Năng lực đặc thù***							
2.1	Ngôn ngữ	178	81,7%	39	17,9%	4	1,8 %	
2.2	Tính toán	178	81,7%	39	17,9%	4	1,8 %	
2.3	Khoa học	178	81,7%	39	17,9%	4	1,8 %	
2.4	Thẩm mĩ	178	81,7%	40	18,3%			
2.5	Thể chất	178	81,7%	40	18,3%			
III	***Phẩm chất chủ yếu***							
1	Yêu nước	185	84,9%	33	15,1%			
2	Nhân ái	185	84,9%	33	15,1%			
3	Chăm chỉ	185	84,9%	33	15,1%			
4	Trung thực	185	84,9%	33	15,1%			
5	Trách nhiệm	185	84,9%	33	15,1%			

2. Kết quả xếp loại cuối năm học

TT	Nội dung	Kết quả đầu vào	Cam kết đầu ra cuối năm	Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ % so với kết quả đầu vào
1	**Tổng số HS**				
2	**Kết quả xếp loại GD**				
	HTXS		68 (31,3%)		
	Hoàn thành tốt		110 (50,1%)		
	Hoàn thành		37 (17%)		
	Chưa HT		3 (1,4%)		
3	**HTCTLH**				
	Hoàn thành		218 (98,6%)		
	Chưa hoàn thành		3 (1,4%)		
4	**Khen thưởng**				
	- Giấy khen cấp trường		151 (69,3%)		
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện		14 (6,4%)		
	+ Cấp Tỉnh		6 (2,8%)		
	+ Cấp khác				

3. Kết quả các cuộc thi, giao lưu

TT	Các cuộc thi	Kết quả đầu vào	Kết quả đầu ra	Điểm TBC khảo sát chất lượng cuối năm (Toán, T.Việt, T.Anh)
I	**Kết quả các cuộc giao lưu**			
1	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế			
2	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế			
3	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế			
4	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế			
5	Số HS đỗ vào các trường chuyên			
II	**Điểm trung bình chung các môn học**			
6	Điểm TBC các môn			8,35
7	Điểm TBC môn Toán			8,4
8	Điểm TBC môn Tiếng Việt			8,3
9	Điểm TBC môn Tiếng Anh			

Khối 2

1. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh:

STT	Môn học, HĐGD, năng lực, phẩm chất	HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
	Tổng số HS: 200							
	MÔN HỌC VÀ HĐGD							
I	***Kết quả học tập***							
1	Tiếng Việt	124	62%	75	37,5%	1	0,5%	
2	Toán	140	70%	59	29,5%	1	0,5%	
3	Tiếng Anh	148	74%	51	25,5%	1	0,5%	

	NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT	Tốt		Đạt		CCG		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
II	***Năng lực cốt lõi***							
1	***Năng lực chung***							
1.1	Tự chủ và tự học	159	79,5%	41	20,5%	0		
1.2	Giao tiếp và hợp tác	158	79%	42	21%	0		
1.3	GQVĐ và sáng tạo	157	78,5%	43	21,5%	0		
2	***Năng lực đặc thù***							
2.1	Ngôn ngữ	160	80%	40	20%	0		
2.2	Tính toán	155	77,5%	45	22,5%	0		
2.3	Khoa học	159	79,5%	41	20,5%	0		
2.4	Thẩm mĩ	161	80,5%	39	19,5%	0		
2.5	Thể chất	165	82,5%	35	17,5%	0		
III	***Phẩm chất chủ yếu***							
1	Yêu nước	195	97,5%	5	2,5%	0		
2	Nhân ái	185	92,5%	15	7,5%	0		
3	Chăm chỉ	172	86%	28	14%	0		
4	Trung thực	177	88,5%	23	11,5%	0		
5	Trách nhiệm	176	88%	24	12%	0		

2. Kết quả xếp loại cuối năm học

TT	Nội dung	Kết quả đầu vào	Cam kết đầu ra cuối năm	Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ % so với kết quả đầu vào
1	**Tổng số HS**	**201**	**201**		
2	**Kết quả xếp loại GD**				
	HTXS	64	65		
	Hoàn thành tốt	88	90		
	Hoàn thành	49	46		
	Chưa HT	0	0		
3	**HTCTLH**				
	Hoàn thành	201	201		
	Chưa hoàn thành	0	0		
4	**Khen thưởng**				
	- Giấy khen cấp trường	156	156		
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện	27	30		
	+ Cấp Tỉnh	5	7		
	+ Cấp khác				

3. Kết quả các cuộc thi, giao lưu

TT	Các cuộc thi	Kết quả đầu vào	Kết quả đầu ra	Điểm TBC khảo sát chất lượng cuối năm (Toán, T.Việt, T.Anh)
I	**Kết quả các cuộc giao lưu**			
1	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế			
2	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế			
3	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế			

4	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế	6	6	
5	Số HS đỗ vào các trường chuyên			
II	**Điểm trung bình chung các môn học**			
6	Điểm TBC các môn			8,4
7	Điểm TBC môn Toán			8,6
8	Điểm TBC môn Tiếng Việt			8,4
9	Điểm TBC môn Tiếng Anh			8,3

Khối 3

1. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh:

STT	Môn học, HĐGD, năng lực, phẩm chất	HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
	Tổng số HS: 215							
	MÔN HỌC VÀ HĐGD							
I	***Kết quả học tập***							
1	Tiếng Việt	128	59,5%	85	39,6%	2	0,9%	
2	Toán	129	60%	84	39,1%	2	0,9%	
3	Tiếng Anh	126	58,6%	87	40,5%	2	0,9%	
	NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT	**Tốt**		**Đạt**		**CCG**		**Ghi chú**
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
II	***Năng lực cốt lõi***							
1	***Năng lực chung***							
1.1	Tự chủ và tự học	145	67,4%	69	32,1%	1	0,5%	
1.2	Giao tiếp và hợp tác	149	69,3%	65	30,2%	1	0,5%	
1.3	GQVĐ và sáng tạo	142	66%	72	33,5%	1	0,5%	
2	***Năng lực đặc thù***							
2.1	Ngôn ngữ	145	67,4%	69	32,1%	1	0,5%	
2.2	Tính toán	144	66,9%	70	32,6%	1	0,5%	
2.3	Khoa học	149	69,3%	65	30,2%	1	0,5%	
2.4	Thẩm mĩ	148	68,8%	64	30,6%	1	0,5%	
2.5	Thể chất	151	70,3%	63	29,2%	1	0,5%	
III	***Phẩm chất chủ yếu***							
1	Yêu nước	205	95,4%	9	4,1%	1	0,5%	
2	Nhân ái	205	95,4%	9	4,1%	1	0,5%	
3	Chăm chỉ	166	77,2%	48	22,3%	1	0,5%	
4	Trung thực	205	95,4%	9	4,1%	1	0,5%	
5	Trách nhiệm	172	80%	42	19,5%	1	0,5%	

2. Kết quả xếp loại cuối năm học

TT	Nội dung	Kết quả đầu vào	Cam kết đầu ra cuối năm	Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ % so với kết quả đầu vào
1	**Tổng số HS**	**217**	**217**		
2	**Kết quả xếp loại GD**				
	HTXS	61	61		
	Hoàn thành tốt	65	67		
	Hoàn thành	91	89		
	Chưa HT	0	0		

3	**HTCTLH**				
	Hoàn thành	217	217		
	Chưa hoàn thành	0	0		
4	**Khen thưởng**				
	- Giấy khen cấp trường		123		
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện		9		
	+ Cấp Tỉnh		7		
	+ Cấp khác		1		

3. Kết quả các cuộc thi, giao lưu

TT	Các cuộc thi	Kết quả đầu vào	Kết quả đầu ra	Điểm TBC khảo sát chất lượng cuối năm (Toán, T.Việt, T.Anh)
I	**Kết quả các cuộc giao lưu**			
1	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	0	0	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế	0	0	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế	0	0	
4	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế	0	0	
5	Số HS đỗ vào các trường chuyên	0	0	
II	**Điểm trung bình chung các môn học**			
6	Điểm TBC các môn			7.8
7	Điểm TBC môn Toán			7.9
8	Điểm TBC môn Tiếng Việt			7.7
9	Điểm TBC môn Tiếng Anh			7.8

Khối 4

1. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh:

STT	Môn học, HĐGD, năng lực, phẩm chất	HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
	Tổng số HS: 226							
	MÔN HỌC VÀ HĐGD							
I	***Kết quả học tập***							
1	Tiếng Việt	114	50,7%	111	49,3%	0	0	
2	Toán	110	48,9%	115	51,1%	0	0	
3	Tiếng Anh	135	60%	90	40%	0	0	
	NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT	**Tốt**		**Đạt**		**CCG**		**Ghi chú**
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
II	***Năng lực cốt lõi***							
1	***Năng lực chung***							
1.1	Tự chủ và tự học	150	66,7%	75	33,3%	0	0	
1.2	Giao tiếp và hợp tác	151	67,1%	74	32,9%	0	0	
1.3	GQVĐ và sáng tạo	150	66,7%	75	33,3%	0	0	
2	***Năng lực đặc thù***							
2.1	Ngôn ngữ	151	67,1%	74	32,9%	0	0	
2.2	Tính toán	150	66,7%	75	33,3%	0	0	
2.3	Khoa học	150	66,7%	75	33,3%	0	0	
2.4	Thẩm mĩ	154	68,4%	71	31,6%	0	0	
2.5	Thể chất	153	68%	72	32%	0	0	

III	***Phẩm chất chủ yếu***							
1	Yêu nước	178	79,1%	47	20,9%	0	0	
2	Nhân ái	177	78,7%	48	21,3%	0	0	
3	Chăm chỉ	151	67,1%	74	32,9%	0	0	
4	Trung thực	172	76,4%	53	23,6%	0	0	
5	Trách nhiệm	153	68%	72	32%	0	0	

2. Kết quả xếp loại cuối năm học

TT	Nội dung	Kết quả đầu vào	Cam kết đầu ra cuối năm	Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ % so với kết quả đầu vào
1	**Tổng số HS**	**225**	**225**		
2	**Kết quả xếp loại GD**				
	HTXS	65	65		
	Hoàn thành tốt	61	64		
	Hoàn thành	99	96		
	Chưa HT	0	0		
3	**HTCTLH**				
	Hoàn thành	226	226		
	Chưa hoàn thành	0	0		
4	**Khen thưởng**				
	- Giấy khen cấp trường	126	126		
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện	20	22		
	+ Cấp Tỉnh	10	11		
	+ Cấp khác		2		

3. Kết quả các cuộc thi, giao lưu

TT	Các cuộc thi	Kết quả đầu vào	Kết quả đầu ra	Điểm TBC khảo sát chất lượng cuối năm (Toán, T.Việt, T.Anh)
I	**Kết quả các cuộc giao lưu**			
1	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế			
2	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế		1	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế			
4	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế		1	
5	Số HS đỗ vào các trường chuyên			
II	**Điểm trung bình chung các môn học**			
6	Điểm TBC các môn			8.3
7	Điểm TBC môn Toán			8.1
8	Điểm TBC môn Tiếng Việt			8.1
9	Điểm TBC môn Tiếng Anh			8.75

Khối 5

1. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh:

STT	Môn học, HĐGD, năng lực, phẩm chất	HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
	Tổng số HS: 241							

	MÔN HỌC VÀ HĐGD							
I	***Kết quả học tập***							
1	Tiếng Việt	172	71,3	69	28,7	0		
2	Toán	177	73,4	64	26,6	0		
3	Tiếng Anh	164	68	77	32	0		
	NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT	**Tốt**		**Đạt**		**CCG**		**Ghi chú**
		SL	**Tỷ lệ**	**SL**	**Tỷ lệ**	**SL**	**Tỷ lệ**	
II	***Năng lực cốt lõi***							
1	***Năng lực chung***							
1.1	Tự chủ và tự học	187	77,5	55	22,5			
1.2	Giao tiếp và hợp tác	183	76.0	58	24,0			
1.3	GQVĐ và sáng tạo	178	73,8	63	26,6			
2	***Năng lực đặc thù***							
2.1	Ngôn ngữ	186	77,2	55	22,8			
2.2	Tính toán	170	70,5	71	29,5			
2.3	Khoa học	178	73,8	63	26,2			
2.4	Thẩm mĩ	185	76,7	56	23,5			
2.5	Thể chất	188	78.0	53	22.0			
III	***Phẩm chất chủ yếu***							
1	Yêu nước	212	87,9	29	12,1			
2	Nhân ái	216	89,6	25	10.5			
3	Chăm chỉ	191	79,2	50	20,8			
4	Trung thực	204	84,6	37	15,4			
5	Trách nhiệm	197	81,7	44	18,3			

2. Kết quả xếp loại cuối năm học

TT	Nội dung	Kết quả đầu vào	Cam kết đầu ra cuối năm	Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ % so với kết quả đầu vào
1	**Tổng số HS**				
2	**Kết quả xếp loại GD**				
	HTXS	59	59		
	Hoàn thành tốt	67	74		
	Hoàn thành	115	108		
	Chưa HT				
3	**HTCTLH**				
	Hoàn thành	241	241		
	Chưa hoàn thành	0	0		
4	**Khen thưởng**				
	- Giấy khen cấp trường	126	133		
	- Giấy khen cấp trên:	0	3		
	+ Cấp Phường	74	76		
	+ Cấp Tỉnh	33	43		
	+ Cấp khác	2	4		

3. Kết quả các cuộc thi, giao lưu

TT	Các cuộc thi	Kết quả đầu vào	Kết quả đầu ra	Điểm TBC khảo sát chất lượng cuối năm (Toán, T.Việt, T.Anh)
I	**Kết quả các cuộc giao lưu**			
1	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	2	8	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế	3	6	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế	0	0	
4	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế	0	1	
5	Số HS đỗ vào các trường chuyên	0	4	
II	**Điểm trung bình chung các môn học**			
6	Điểm TBC các môn			7.9
7	Điểm TBC môn Toán			8.0
8	Điểm TBC môn Tiếng Việt			7.7
9	Điểm TBC môn Tiếng Anh			8.0

2. 3. Xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học

- Bồi dưỡng, phát triển chuyên môn: Phó Hiệu trưởng chỉ đạo 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (BDTX), tích cực tự học, tự rèn luyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề.
- Bố trí, sử dụng đội ngũ: Trên cơ sở đề án vị trí việc làm, Hiệu trưởng tham mưu với UBND phường Vinh Phú, Sở GD&ĐT bố trí đủ giáo viên về số lượng, hợp lý về cơ cấu (bổ sung 01 giáo viên Tiếng Anh, 02 giáo viên Văn hóa); bảo đảm chất lượng, đạt chuẩn theo quy định để tổ chức dạy học đầy đủ, hiệu quả các môn học và hoạt động giáo dục.
- Đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng: Năm học 2025–2026, Hiệu trưởng chỉ đạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng tối thiểu mức 2, tiêu chuẩn 2 theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt mức khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng.
+ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo.
+ 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó ít nhất 60% đạt mức khá trở lên.

- Các nhiệm vụ trọng tâm nâng cao chất lượng đội ngũ:

+ Ban Giám hiệu phối hợp với Công đoàn đẩy mạnh thi đua, khen thưởng, tạo động lực phấn đấu cho giáo viên.
+ 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và kỹ năng thực tiễn.
+ Nâng cao chất lượng chuẩn hiệu trưởng đối với cán bộ quản lý và chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên.
+ Tăng cường tỉ lệ giáo viên giỏi: phấn đấu đạt 60% cấp trường, 6% cấp tỉnh; xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán (đồng chí Võ Thị Minh Hiền).
+ Quan tâm đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ; kịp thời động viên, khuyến khích giáo viên tâm huyết, gắn bó với nghề.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Chỉ tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chuẩn chức danh	Cốt cán	GVG		CSTĐ		Trình độ LLCT
						Cấp Phường	Tỉnh	Cấp phường	Cấp tỉnh	
1	Phạm Thu Hiền	HT	ĐH	Tốt				x		TC
2	Nguyễn Thị Hằng	P.HT	ĐH	Tốt				x		TC
3	Nguyễn Linh Phương	P.HT	Th.s	Tốt					x	SC
4	Hà Anh Đào	TPCM, GV	ĐH	Khá						
5	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên	ĐH	Khá						
6	Nguyễn T. Vân Trang	Giáo viên	ĐH	Tốt		x		x		
7	Đỗ Hải An	Giáo viên	ĐH	Khá						
8	Phan Thị Phương	Giáo viên	ĐH	Khá						SC
9	Nguyễn T.Phương Hồng	TPCM, GV	ĐH	Tốt						
10	Hoàng Thị Hải Yến	Giáo viên	ĐH	Khá						
11	Phạm Thị Lan	Giáo viên	ĐH	Khá						
12	Lương Trần Cẩm Tú	Giáo viên	ĐH	Khá						
13	Nguyễn Thị Phương	Giáo viên	ĐH	Tốt						
14	Đường Thị Khương	Giáo viên	ĐH	Khá						
15	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên	ĐH	Khá						
16	Đồng Thị Quỳnh Nga	Giáo viên	ĐH	Tốt				x		
17	Nguyễn Thị Thanh Minh	TPCM, GV	ĐH	Khá						SC
18	Lương Thị Tố Hoài	Giáo viên	ĐH	Khá						
19	Nguyễn Thị Ngân	Giáo viên	ĐH	Tốt				x		
20	Đinh Thị Diễm Hương	Giáo viên	ĐH	Tốt		x	x	x	x	
21	Đào Thị Huyền	Giáo viên	ĐH	Khá						
22	Phạm Thị Thúy Ngọc	Giáo viên	ĐH	Tốt						
23	Doãn Thị Tình	TTCM, GV	ĐH	Khá						
24	Võ Thị Thúy Hằng	Giáo viên	ĐH	Tốt				x		
25	Phạm Thị Sen	Giáo viên	ĐH	Tốt				x		
26	Nguyễn Hoài Linh	Giáo viên	ĐH	Khá						
27	Nguyễn Thị Hoài Linh	Giáo viên	ĐH	Khá						
28	Hoàng Thị Lam	GVTA	ĐH	Khá						
29	Phan Thị Phương Thảo	Giáo viên	ĐH	Khá						
30	Nguyễn Thị Phương	Giáo viên	ĐH	Khá						
31	Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo viên	ĐH	Khá						
32	Phan Nguyễn Lê Na	Giáo viên	ĐH	Khá						
33	Nguyễn Thị Thùy Vân	Giáo viên	ĐH	Khá						
34	Trần Thị Mùi	Giáo viên	ĐH	Khá						
35	Bạch Nguyễn Thảo Uyên	Giáo viên	Th.s	Tốt				x		
36	Trần Thị Thuỳ Dung	Giáo viên	ĐH	Khá				x		
37	Võ Thị Minh Hiền	Giáo viên	ĐH	Tốt	x			x		
38	Trần Thị Thành	Giáo viên	ĐH	Tốt						
39	Nguyễn Thị Sâm	Giáo viên	ĐH	Khá						
40	Vi Văn Hà	GVTC	ĐH	Khá						
41	Đặng Diệu Tú	Giáo viên	ĐH	Khá						SC
42	Trần Thị Thu Hằng	TPTĐ	ĐH	Tốt			x		x	
43	Nguyễn Thị Dung	TVTB	ĐH	Khá						

44	Phạm Thị Thanh Trang	Kế toán	ĐH	Khá						
45	Nguyễn T.Hương Giang	VT-YT	CĐ	Khá						

2.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường

Trên cơ sở nhiệm vụ năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn; đồng thời triển khai các chương trình tăng cường nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của học sinh.

2.4.1. Xây dựng chương trình

Căn cứ vào Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học; Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025–2026 đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; Hướng dẫn số 2086/SGDĐT-GDTH ngày 21/8/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An về nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025–2026; Điều kiện thực tế của nhà trường và bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng:

- Bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, hợp lý, tránh gây áp lực cho học sinh;
- Gắn kết lý thuyết với thực hành, tăng cường trải nghiệm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- Chú trọng giao nhiệm vụ, hướng dẫn học sinh tự học, tự rèn luyện, tham gia hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường;
- Linh hoạt trong tổ chức dạy học, phù hợp điều kiện của nhà trường, địa phương và từng đối tượng học sinh, đảm bảo học sinh hoàn thành chương trình theo quy định.

Chỉ đạo tổ chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch dạy học chủ động, lựa chọn nội dung và mạch kiến thức phù hợp để tích hợp, lồng ghép, thay thế, bổ sung hợp lý;
- Tăng cường các hình thức dạy học hiện đại như: dạy học STEM, kỹ năng công dân số, dạy học dự án, dạy học tích hợp liên môn;
- Kết hợp học tập trên lớp với hoạt động trải nghiệm, tham quan, thực hành nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên:

- Xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tự chủ, linh hoạt; lựa chọn hợp lý nội dung, phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học, phương pháp đánh giá, nguồn học liệu, thiết bị dạy học phù hợp thực tế;
- Đảm bảo các yêu cầu cần đạt của từng môn học, từng hoạt động giáo dục.

Đối với Hoạt động trải nghiệm:

- Nội dung được bố trí linh hoạt, hợp lý giữa các hoạt động tập thể toàn trường, từng khối hoặc từng lớp.
- Tăng cường rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế, góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện cho học sinh.

2.4.2. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc, tăng cường

a) Đối với các môn học/HĐGD giáo dục bắt buộc

- Dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc; tổ chức các hoạt động củng cố giúp học sinh hoàn thành các nội dung học tập; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện; chủ động lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần (mỗi tiết 35 phút)[2]; kế hoạch dạy học đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện của cấp học. Thời khóa biểu được sắp xếp khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh Tiểu học.

b) Dạy học Ngoại ngữ- Tin học [3].

** Về dạy học Ngoại ngữ*

- *Đối với lớp 1 và lớp 2*: Tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT với thời lượng dạy học 03 tiết /tuần (đối với lớp 1); 04 tiết/ tuần (đối với lớp 2); nội dung dạy học phù hợp và đảm bảo tính liên thông với chương trình bắt buộc thực hiện từ lớp 3. Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá phải chú trọng quan tâm đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả để xét lên lớp.

- *Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5:* Thực hiện môn học bắt buộc trong chương trình GDPT 2018 với thời lượng 04 tiết/tuần đảm bảo tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

- Tài liệu dạy học: Lớp 1; 4; 5: Wonderful World.

Lớp 2-3: i-learn Smart Start

- Triển khai thực hiện sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh[4]. Tiếp tục xây dựng môi trường học và sử dụng tiếng Anh như: bố trí không gian, cảnh quan trường học; các pano, áp phích trên sân trường có sử dụng tiếng Anh. Thành lập 01 câu lạc bộ để tạo sân chơi cho những học sinh yêu thích Tiếng Anh (đ/c Dung Tiếng

---

[2] Công văn số 4567/BGD ĐT-GDPT ngày 5/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT năm học 2025-2026.

[3] Môn Tiếng Anh thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về Chương trình giáo dục phổ thông và Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; Công văn 3539/ BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động giáo
dục Tin học cấp tiểu học

[4] Kế hoạch 1586/KH-GD ĐT ngày 20/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch về việc triển khai sử dụng học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp Tiểu học;

Anh phụ trách)

- Nhà trường liên kết với Trung tâm Tiếng Anh Việt Úc 3 và trung tâm Tiếng Anh THE DIAMOND tổ chức dạy Tiếng Anh tăng cường (TATC) mỗi tuần thêm 3 tiết cho 269 HS/7 lớp trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh học sinh; trong đó có 1 tiết của GV nước ngoài. Nội dung chương trình, tài liệu dạy học tiếng Anh tăng cường của các đơn vị liên kết phải được cấp có thẩm quyền cấp phép. Quy trình thực hiện và các loại hồ sơ minh chứng về tổ chức dạy học TATC phải đúng theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Kiên quyết không tổ chức thực hiện liên kết giáo dục chương trình tăng cường Tiếng Anh khi chưa đảm bảo các điều kiện.

Động viên, khuyến khích học sinh tham gia sân chơi English Challenge do Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An phối hợp với Sở GDĐT tổ chức; tham gia các kỳ giao lưu Toán – Tiếng Anh.

* *Về dạy học Tin học:* - Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT[5]; tổ chức hoạt động giáo dục Tin học và giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2. Đối với lớp 3, tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, đào sâu, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học để thực hiện "*hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số*" đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3; 4, 5.

c) Đối với các môn học/HĐGD giáo dục tăng cường (TC), hoạt động NGCK

- Tổ chức các hoạt động củng cố để HS hoàn thành nội dung học tập qua các tiết tăng cường (*TC Toán, TC Tiếng Việt, hướng dẫn HS tự học, tiết Đọc sách*); các hoạt động giáo dục về văn hoá, nghệ thuật (*CLB Mĩ thuật, CLB nhảy hiện đại*), giáo dục STEM, giáo dục văn hoá đọc, văn hoá học đường, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông, giáo dục công dân số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ (*TATC*), thể thao (*lớp võ karatedo*), các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hoá, lịch sử truyền thống của địa phương (*các buổi tham quan dã ngoại, các HĐTN*) và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS. Đa dạng hoá các hình thức dạy học: tự học có hướng dẫn của GV, học tập theo nhóm, học thông qua trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ (*CLB Tiếng Anh, CLB các môn học, CLB Tin học - Nghệ thuật*), …

- Tổ chức các hoạt động cho HS ngoài giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của HS trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được CMHS đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của HS, nhà trường tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, sử dụng CSVC của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng…) tạo điều kiện để HS vui chơi, giải trí; Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho HS tham gia các sân chơi trực tiếp/trực tuyến như: English Challenge, Đại sứ Văn hoá đọc, Văn-Toán an

[5] Công văn 3899/BGD ĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD ĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số năm học 2024-2025.

ninh theo các văn bản hướng dẫn của cấp trên cho từng khối lớp, lồng ghép các nội dung GDĐP, GDQP&AN khi xây dựng kế hoạch dạy học các khối lớp.

2.4.3. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học

a) Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học nhằm giúp HS được tương tác, trải nghiệm, tham gia tích cực, khám phá và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập vui vẻ, hứng thú góp phần phát triển phẩm chất, năng lực HS. Đa dạng hoá hình thức tổ chức dạy học phù hợp với môn học/hoạt động giáo dục, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng HS. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học trong bối cảnh hiện nay.

b) Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT[6]; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Chú trọng đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập nhằm giúp GV kịp thời hỗ trợ HS, điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học; đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của HS. Quan tâm đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, an toàn giao thông,… nhằm hình thành phát triển giáo dục toàn diện cho HS

Xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học/hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

2.4.4. Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học và bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

- Tổ chức thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất HS; dạy học phân hoá đối tượng; Quán triệt nghiêm túc mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu để cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và các tầng lớp nhân dân, đoàn thể tổ chức

[6]Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

cơ sở có sự nhận thức đúng đắn và đầy đủ.

- Rà soát phân loại đối tượng học sinh trên cơ sở kết quả kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì của học sinh, ý kiến đánh giá của giáo viên chủ nhiệm theo Chuẩn kiến thức kỹ năng/yêu cầu cần đạt ở lớp mà học sinh đang học.

- Lập danh sách học sinh năng khiếu (HS đăng ký tham gia các CLB), học sinh chưa đạt yêu cầu, xây dựng chỉ tiêu phấn đấu thi đua; báo cáo thực trạng và danh sách học sinh để theo dõi.

- Giao cho giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên năng khiếu, tổ chuyên môn, gia đình học sinh xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo, tìm biện pháp bồi dưỡng kèm cặp, giúp đỡ, quan tâm cho phù hợp với từng đối tượng và đạt hiệu quả.

- Ban giám hiệu nhà trường và tổ trưởng chuyên môn trực tiếp theo dõi, quản lý: kiểm tra đánh giá kết quả dạy - học của giáo viên và học sinh thường xuyên theo tháng và định kì

- Thông báo kết quả học tập và trao đổi tình hình học tập của học sinh với gia đình các em thường xuyên theo tháng và học kì.

2.4.5. Tổ chức và tham gia các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích của học sinh

Động viên khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ: Toán quốc tế TIMO, HKIMO; Đấu trường toán học Vioedu các cấp; Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng Nguyên toàn tài các cấp; Câu lạc bộ văn - toán tuổi thơ các cấp; Ngày hội học sinh Tiểu học (Tiếng Anh, Kĩ năng sống, Tin học), Ngày hội Stem, các cuộc thi viết, vẽ do Bộ GDĐT tổ chức; sân chơi English Challenge trên Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An, giao lưu Toán-Tiếng Anh; tham gia đánh giá năng lực tiếng Anh TOEFL Primary ... để các em được tiếp cận theo chuẩn tiếng Anh quốc tế.

Tổ chức các hoạt động tập thể, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các phường trong tỉnh và các địa phương khác (tổ chức các tiết học kết nối).

2.4.6. Tổ chức tốt hoạt động thư viện và phát triển văn hóa đọc

Đổi mới hoạt động thư viện trường học nhằm hình thành thói quen đọc sách, ý thức tự học, tự nghiên cứu cho học sinh tiểu học. Tiếp tục vận dụng mô hình thư viện thân thiện của Room to Read phù hợp điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; xây dựng thời khóa biểu có tiết đọc thư viện và tiết học thư viện (khối 2; 3); đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Nhân rộng mô hình thư viện thân thiện phù hợp với điều kiện thực tế của nhà

trường. Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT[7] nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường Tiểu học, trong đó bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

GVCN phối hợp với cán bộ thư viện sắp xếp, bố trí tiết đọc sách phù hợp và tạo điều kiện cho học sinh học tốt tiết đọc sách và được đọc sách sau giờ học chính thức trong ngày. Tổ chức ngày đọc sách, tuần đọc sách, đọc sách theo chủ đề, thi kể chuyện theo sách, viết về sách …để phát triển văn hóa đọc.

2.4.7. Thực hiện GD đối với HS khuyết tật hòa nhập, HS có hoàn cảnh khó khăn

Thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật[8]. Thực hiện hiệu quả giáo dục hoà nhập đối với HS khuyết tật; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho HS khuyết tật thông qua việc điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng đối tượng HS; tăng cường phát hiện, can thiệp sớm; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá HS khuyết tật linh hoạt, hiệu quả. Đánh giá học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành và căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định[9].

Lập hồ sơ, tổ chức xét duyệt, chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi cho Nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập được quy định tại công văn Số 2453/SGDĐT-TCCB của SGD&ĐT Nghệ An, ngày 28 tháng 8 năm 2025 V/v thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo phương thức hòa nhập năm học 2025-2026; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

Triển khai các hoạt động hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn trong năm học, bao gồm hỗ trợ tài chính, học bổng, chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập và các hình thức hỗ trợ khác nhằm bảo đảm điều kiện học tập tối thiểu. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển năng lực cá nhân, nâng cao kỹ năng sống và sự tự tin cho HS, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

2.4.8. Tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục theo năm học, bao gồm:

---

[7] Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022, Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học; Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 – 2021.

[8] Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTB&XH quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

[9] Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Vào đầu năm học, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của các cấp có liên quan, căn cứ vào nhiệm vụ năm học Phó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ bao gồm:
- Khung thời gian triển khai môn học của từng khối;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo TT27
- Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên, dự giờ và phân tích, định hướng nội dung, phương pháp, hình thức tiết dạy;
- Kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên;
- Xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài tập cho từng môn học cho từng khối;
- Hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất thông qua tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.
- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn và phát triển chương trình, phương pháp dạy học, giáo dục; đặc biệt cần lấy nghiên cứu bài học là hoạt động thường xuyên để phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

2.4.9. Giáo viên lập kế hoạch giáo dục, bao gồm

- 100% giáo viên xây dựng có chất lượng bài dạy (giáo án), đánh giá kết quả học sinh trên phần mềm; Hàng tuần đẩy lên phần mềm quản lí Vnedu...
- Ngoài ra giáo viên tham gia có hiệu quả việc xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy học, giáo dục các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục tự chọn dựa trên nhu cầu, đặc điểm địa phương để sử dụng chung trong toàn khối hoặc trong cả trường.

2.4.10. Thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt và có hiệu quả

Năm học 2025-2026 nhà trường tiếp tục giao quyền chủ động cho tổ, nhóm chuyên môn và GV quyền chủ động thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt, phù hợp và có hiệu quả với các đối tượng học sinh, điều kiện thực tiễn của lớp, khối, nhà trường và địa phương.

Trước hết, khi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học (dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT), giáo viên có thể điều chỉnh cho phù hợp với học sinh của lớp; giáo viên cũng có thể dạy kĩ hơn ở nội dung này, cắt giảm ở nội dung khác, hoặc thay đổi nội dung trong các tiết học dựa theo đặc điểm, trình độ của học sinh lớp đó sao cho trọng tâm và dễ hiểu nhất. Giáo viên có quyền vận dung công nghệ đưa vào hình ảnh, video, âm nhạc, ngữ liệu ngoài SGK… để bài giảng sinh động, cuốn hút nhất. Mặt khác, giáo viên cũng có thể loại bỏ những vấn đề mang tính hình thức, nội dung khó thực hiện.

2.5. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo, CBQL

Bố trí, sử dụng đội ngũ bảo đảm đủ giáo viên dạy đúng, đủ chương trình các môn học theo quy định; phù hợp với chuyên ngành đào tạo, phát huy được sở trường, năng lực của GV. Lựa chọn đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn giỏi, kỹ năng sư phạm tốt làm GV cốt cán và giới thiệu vào nguồn.

Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường, liên trường và phát

triển cộng đồng học tập chuyên môn tạo nhiều cơ hội trao đổi, học hỏi, chia sẻ nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp; khuyến khích GV tự học tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp (*trực tiếp/trực tuyến*); lựa chọn nội dung sinh hoạt chuyên môn thiết thực, xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn phù hợp, hiệu quả nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, nhất là GV dạy môn ngoại ngữ; dạy môn học khác bằng ngoại ngữ, dạy chương trình giáo dục tích hợp, đặc biệt là tiếng Anh, nhằm tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

Tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [10].

Tổ chức tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GDĐT.

2.6. Bảo đảm CSVC, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học

Làm tốt công tác xã hội giáo dục, hoá huy động các nguồn lực hợp pháp nhằm đảm bảo đủ CSVC, trang thiết bị đạt chuẩn; đặc biệt chú trọng đầu tư phòng học thực hành, trải nghiệm STEM; từng bước hướng tới hiện đại hoá CSVC nhà trường theo chỉ đạo của Bộ chính trị, Chính phủ và Bộ GDĐT, bổ sung thiết bị dạy học đạt chuẩn.

Có giải pháp tham mưu kịp thời với địa phương thực hiện bố trí, đảm bảo các nguồn lực tăng cường CSVC, thiết bị dạy học, học liệu để triển khai hiệu quả CTGDPT cấp Tiểu học theo quy định; sử dụng hiệu quả CSVC, thiết bị dạy học hiện có, không để tình trạng "thiết bị đến trường mà không ra lớp".

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả kho học liệu số trong dạy học; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Giao Phó Hiệu trưởng thường xuyên quan tâm chỉ đạo tổ chức khai thác, sử dụng CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đã được trang bị bảo đảm hiệu quản hằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Khắc phục tình trạng lãng phí CSVC, trang thiết bị, không khai thác, sử dụng hoặc không khai thác hết tính năng thiết bị, CSVC hiện có. Có biện pháp quản lý để ngăn ngừa tình trạng GV ngại sử dụng thiết bị, nhất là các thiết bị công nghệ hiện đại. Gắn việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học với việc đánh giá xếp loại hàng năm của GV. Nhân viên TV và GV cập nhật thường xuyên việc mượn, sử dụng đồ dùng thiết bị trên phần mềm Vn edu.

Kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm học 2025 – 2026:

Dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động Giáo dục.

TT	Các hạng mục dự kiến triển khai từ nguồn XHH	Dự kiến chi từng hạng mục (VNĐ)	Dự kiến thu/học sinh (VNĐ)	Ghi chú

[10] Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2022 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GVPT; Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2022 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở GDPT;

1	Bổ sung 1 tivi Samsung 75 inches cho hoạt động phòng TV	22.500.000		
2	Bổ sung 4 tivi LG 55 inches cho các lớp 2E, phòng Mỹ thuật, phòng Âm nhạc, phòng Tin học	52.800.000		
3	Bổ sung 11 máy tính phòng Tin học	88.550.000		
4	Mua 4 bộ bàn ghế GV cho các lớp Tiếng Anh tăng cường, 4C, 5A, 5D	7.400.000		
5	Sửa chữa bàn ghế học sinh (42 mặt bàn, 48 mặt ghế)	24.300.000		
6	Mua 8 ghế ngồi sân trường cho học sinh (Chất liệu: nhôm đúc, kích thước: L1500 x W600 x H780 mm)	56.000.000		
7	Thay thế thiết bị nhà vệ sinh	86.000.000		
8	Hệ thống thoát nước từ tầng 3 xuống	32.000.000		
9	Rèm che nắng trước phòng học 3G, 4C, 5G	54.036.000		
Tổng cộng		423.586.000	415.280.000	

2.7. Cam kết trách nhiệm

Vào đầu năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo 100% giáo viên và các tổ, nhóm chuyên môn kí cam kết chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục với Hiệu trưởng.

Bản tổng hợp cam kết chất lượng của tổ, nhóm chuyên môn với Hiệu trưởng:

1. ***Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh nhà trường*** *(theo chuẩn đầu ra).(Phụ lục 2)*

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Tổng toàn trường	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, TA)
1	Tổng số HS /số lớp	218/6 (1KT)	201/5 (1KT)	216/6 (2KT)	226/6 (1KT)	241/6	**1102/ 29 lớp (5KT)**	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	0	0	0	0	8	**8**	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế	0	0	4	1	6	**11**	

4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế	0	0	0	0	0	**0**	
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế	0	6	4	1	6	**17**	
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên	0	0	0	0	4	**4**	
7	Điểm TBC các môn	8,35	8,5	7,8	8,3	7,9		**8,17**
8	Điểm TBC môn Tiếng Việt	8,4	8,6	7,9	8,1	8,0		
9	Điểm TBC môn Toán	8,3	8,4	7,7	8,1	7,7		
10	Điểm TBC Môn Tiếng Anh			7,8	8,75	8,0		

2. Kết quả xếp loại cuối năm học

TT	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	Tổng số HS	**218 (1KT)**		**201 (1KT)**		**216 (2KT)**		**226 (1KT)**		**241**	
		Số lượng	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**
1	**Kết quả xếp loại GD**										
	HTXS	68	31,2%	65	32,3%	61	28,1%	65	28,9%	59	24,5%
	Hoàn thành tốt	110	50,5%	90	44,8%	67	30,9%	64	28,4%	74	30,7%
	Hoàn thành	40	18,3%	46	22,9%	89	41%	96	42,7%	108	44,8%
	Chưa HT										
2	**HTCTLH**										
	Hoàn thành	218	100%	201	100%	217	100%	226	100%	241	100%
	Chưa hoàn thành										
3	**Khen thưởng**										
	- Giấy khen cấp trường	151	69,3%	156	77,6%	123	56,9%	129	57,1%	133	55,2%
	- Giấy khen cấp trên									3	1,2%
	+ Cấp phường	14	6,4%	30	14,9%	9	4,2%	22	9,7,3%	76	31,5%
	+ Cấp tỉnh	6	2,8%	7	3,5%	7	3,2%	11	48,6%	43	17,8%
	+ Cấp khác					0		2	0,9	4	1,7%

Trên cơ sở nhiệm vụ năm học, kết quả cam kết của giáo viên với Hiệu trưởng, BGH họp bàn bạc thống nhất và Hiệu trưởng kí cam kết với Sở GD&ĐT về chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026.

(Phụ lục PL16a kèm theo)

III. ĐẢM BÁO CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

1. Xây dựng Chiến lược Đảm bảo Chất lượng Giáo dục (ĐBCL) của Nhà trường

1.1. Tổng quan Chiến lược

Chiến lược Đảm bảo Chất lượng Giáo dục (ĐBCL) của nhà trường được xây dựng cho giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược này được tích hợp và triển khai đồng bộ trong Kế hoạch Chiến lược phát triển tổng thể của nhà trường.

1.2. Sứ mệnh (Mission)

Xây dựng một môi trường giáo dục chất lượng cao, hiện đại, dân chủ và thân thiện, nơi mọi thành viên được truyền cảm hứng để phát triển toàn diện.

- Cụ thể: Cung cấp môi trường học tập với trang thiết bị hiện đại, bắt kịp xu thế đổi mới. Tạo dựng không gian giáo dục kỷ cương nhưng thân thiện, sáng tạo, nơi giáo viên và học sinh có cơ hội tối đa để phát triển năng lực, tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng vận dụng thực tiễn, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và sự phát triển bền vững của đất nước.

1.3. Tầm nhìn (Vision)

Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Trường Tiểu học Nghi Ân sẽ trở thành đơn vị giáo dục uy tín hàng đầu, là "Ngôi trường hạnh phúc" kiểu mẫu, khẳng định vị thế và chất lượng trong cộng đồng giáo dục.

- Đến 2030: Trở thành một ngôi trường an toàn, thân thiện, uy tín, hạnh phúc - Nơi khởi nguồn của tình yêu thương và là môi trường giáo dục đáng tin cậy. Giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động và có khát vọng vươn lên.
- Tầm nhìn 2045: Từng bước khẳng định vững chắc vị thế và trở thành một trong những trường tiểu học có chất lượng giáo dục hàng đầu trong phạm vi thành phố và tỉnh.

1.4. Giá trị Cốt lõi (Core Values)

Tại Tiểu học Nghi Ân, chúng tôi lấy Học sinh làm trung tâm, cam kết bồi dưỡng học sinh theo triết lý giáo dục hiện đại, dựa trên bốn trụ cột giáo dục của UNESCO và các tiêu chí phát triển toàn diện:

Trụ cột UNESCO	**Tiêu chí Phát triển Toàn diện**
Học để biết (Learning to know)	Kiến thức nền tảng vững chắc, sâu rộng.
Học để làm (Learning to do)	Kỹ năng trình bày, lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả.
Học để sống (Learning to be)	Phát triển cá nhân toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ.
Học để chung sống (Learning to live together)	Trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, hướng đến môi trường học tập hạnh phúc và cộng đồng.
	Tự tin, năng động, khao khát thành công và tinh thần vượt khó.

1.5. Phương châm Hành động (Action Motto)

"Chất lượng giáo dục là Danh dự và Niềm tin của Nhà trường"

"Tư duy giáo dục luôn Đổi mới và Sáng tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội"

2. Thực trạng và các hoạt động của nhà trường

2.1. Thực trạng

2.2. Yếu tố bên trong

- Về quy mô trường lớp

Tổng số lớp: 29 lớp/ 1105 học sinh. (TB: 37,7 HS/ lớp); trong đó:

Nội dung	Tổng số	Chia ra				
		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số lớp	**29**	6	5	6	6	6
Tổng số học sinh	**1102**	218	202	218	226	241
Số học sinh bán trú	**1013**	218	202	200	193	200
Số học sinh học Ngoại ngữ	**1102**	218	202	218	226	241
Số học sinh học Tin học	**1102**	218	202	218	226	241
Số học sinh học TATC	**269**	39	38	41	71	80
Số học sinh học STEM	**275**	69	41	77	39	42
Số học sinh KT học hòa nhập	**05**	01	01	02	01	

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a) Cơ cấu tổ chức bộ máy

- Chi bộ: gồm 23 Đảng viên
- Đoàn thanh niên: 23 đoàn viên
- Liên đội Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có 12 chi đội với 467 đội viên và 638 sao nhi đồng. Ban Chỉ huy Liên đội gồm có 13 em.

b) Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

** Tổng số cán bộ - giáo viên – nhân viên*: 57 người

Gồm: CBQL: 03; TPT Đội: 01; NVVP: 03; GV đứng lớp: 41; NVPV: 09. Trong đó:

- Biên chế: 44 người (CBQL: 03; NVVP: 02; GVVH: 29; TPTĐ: 01; GV T.Anh: 04; GVÂN: 01; GV MT: 01; GVTD: 02; GV Tin học: 01).
- HĐDH: 01
- HĐNH: 15 (GV: Văn hóa: 02; Tiếng Anh: 01; Phục vụ, lao công, bảo vệ: 09).

** Chất lượng đội ngũ*

Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Tổng số	Trong đó					Trình độ đào tạo			
		BC	Hợp đồng				Th. sĩ	ĐH	CĐ	Khác
			Tổng số	HĐKXĐTH	Th.g	HĐXĐTH				

Cán bộ quản lý	03	03	0	0			01	02		
TPT đội	01	01	0	0			0	01		
Giáo viên	41	38	03	0	03		01	40		
Nhân viên	03	02	01	01				02	01	
Bảo vệ, lao công, phục vụ BT	09		09	0		09		0	0	09
Tổng cộng	**57**	**44**	**13**	**01**	**03**	**09**	**02**	**45**	**01**	**09**

Dự kiến vị trí việc làm như sau

TT	Danh mục vị trí việc làm	Vị trí việc làm hiện có			Kế hoạch vị trí nhu cầu			Thừa, thiếu
		Tổng số người	Biên chế	Hợp đồng	Tổng số người	Biên chế	Hợp đồng	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9
I	**Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**3**	**3**		**3**	**3**		
1	Vị trí cấp trưởng cơ quan, đơn vị	1	1		1	1		
2	Vị trí cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị	2	2		2	2		
II	**Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp**	**47**	**44**	**3**	**47**	**47**		**-3**
1	Giáo viên Văn hóa	29	29	2	32	32		-3
2	Giáo viên Âm nhạc	1	1		1	1		0
3	Giáo viên Mỹ thuật	1	1		1	1		0
4	Giáo viên Tiếng Anh	5	4	1	5	5		-1
5	Giáo viên Thể dục	2	2		2	2		0
6	Giáo viên Tin học	1	1		1	1		0
7	Giáo viên TPT Đội	1	1		1	1		0
III	**Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ**	**3**	**3**		**3**	**3**		
1	Vị trí kế toán	1	1		1	1		
2	Vị trí thư viện, thiết bị	1	1		1	1		
3	Vị trí văn thư - Thủ quỹ	0	0	0	1	1		-1
IV	**Hợp đồng trường**	**11**		**11**	**8**		**8**	
1	Giáo viên Văn hóa	2		2				
2	Giáo viên Tiếng Anh	1		1				
3	Vị trí nhân viên nấu ăn	8		8	8		8	
4	Ví trí Bảo vệ	1		1	1		1	

Về cơ sở vật chất

- Các phòng hành chính quản trị gồm: 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng; Phòng bảo vệ; Khu vệ sinh của CBGVNV; Nhà để xe của CBGVNV.
- Khối phòng học tập gồm: 29 phòng học/29 lớp; 01 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Mĩ thuật; 01 phòng STEM; 01 phòng TATC; 01 nhà đa chức năng.
- Khối phòng hỗ trợ học tập gồm: 01 phòng thư viện, thiết bị; 01 phòng Truyền thống.
- Các phòng phụ trợ: 01 phòng họp, 01 phòng kế toán; 01 phòng văn thư - y tế, 01 nhà bếp, 01 nhà kho; 01 nhà để xe học sinh; 03 khu vệ sinh học sinh.
- Phòng học có bàn ghế cơ bản đạt chuẩn, đảm bảo ánh sáng cho học sinh ngồi học.
- Có đầy đủ thiết bị dạy học hiện đại: 33 ti vi thông minh/ 33 phòng học; 31 máy tính phòng Tin học, 1 bộ loa máy, 1 bộ đồ dùng dạy học/lớp. Toàn trường kết nối mạng internet;
- Đảm bảo nước uống đầy đủ, hợp vệ sinh.
- Công trình vệ sinh khép kín đủ cho GV và học sinh sử dụng.
- Có cổng, tường rào, khu vui chơi của học sinh.
- Có bếp bán trú gồm: khu vực nhập và sơ chế thực phẩm, khu vực nấu ăn, phòng chia thực phẩm và kho phục vụ công tác bán trú.

Song bên canh đó vẫn còn thiếu 1 số phòng theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT- BGD, cụ thể như sau:

Bảng thống kê CSVC hiện có và nhu cầu

Các phòng học tập, làm việc		**Số lượng**	**Trang thiết bị hiện có**	**Cần bổ sung trong năm tới**
Khối phòng hành chính quản trị	Phòng HT	01	Máy tính, máy in	
	Phòng P.HT	01	Máy tính	Máy in
	Văn phòng (phòng họp)	01	Ti vi	
	Phòng bảo vệ	01		
Khối phòng học tập	Phòng học văn hóa	29	29 bộ ti vi, bảng trượt chống lóa	
	Phòng Tin học	01	31 máy tính	
	Phòng chức năng	01	Bảng trượt chống lóa	01 bộ ti vi
	Phòng Mỹ thuật	01	Bảng trượt chống lóa	01 bộ ti vi
	Phòng Âm nhạc	01	Bảng trượt chống lóa	01 bộ ti vi
Khối phòng hỗ trợ học tập	Phòng thư viện Phòng thiết bị	01	SGK, SGV, tài liệu tham khảo Tranh ảnh, đồ dùng dạy học	SGK, SGV, tài liệu tham khảo Tranh ảnh, đồ dùng dạy học
	Phòng Đội, phòng truyền thống	01	Trang thiết bị phục vụ HĐ Đội	Mô hình nhà trường
	Nhà đa chức năng	01		

Các phòng phụ trợ	Phòng KT-VT-YT	01	Máy tính, máy in	1 Máy tính, 1 máy in, máy photocopy
	Nhà bếp	01	Đồ dùng phục vụ BT	Bổ sung đồ dùng phục vụ BT
	Nhà kho	01		
	Nhà để xe GV	01		
	Nhà để xe HS	01		
	Nhà vệ sinh GV	01		Thay một số trang thiết bị VS hư hỏng
	Nhà vệ sinh HS	03		Thay một số trang thiết bị VS hư hỏng

- Về các hoạt động giáo dục:

+ Các hoạt động giáo dục của nhà trường được tổ chức thực hiện theo cả năm, kỳ, tháng, tuần, đúng với quy định tại Điều 19 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT và các văn bản, chỉ đạo của ngành.

+ Các hoạt động giáo dục được tổ chức trong và ngoài lớp học nhằm hình thành phẩm chất, phát triển năng lực; giáo dục đạo đức lối sống; bồi dưỡng năng khiếu; hỗ trợ học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. Hình thức hoạt động giáo dục học sinh được tổ chức linh hoạt theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, trong đó học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp với sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên, đảm bảo mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

- Chất lượng giáo dục của học sinh năm học 2025-2026

2.4.1. Chỉ tiêu về chất lượng giáo dục. (Phụ lục PL2)

2.4.2. Chất lượng học sinh tham gia các cuộc thi và giao lưu

Tuyên truyền, động viên học sinh tham gia đầy đủ, có hiệu quả các cuộc thi, các cuộc giao lưu của các cấp tổ chức.

- Chất lượng học sinh tham gia các cuộc thi và giao lưu:

Tuyên truyền, động viên học sinh tham gia đầy đủ, có hiệu quả các cuộc thi, các cuộc giao lưu của các cấp tổ chức, các sân chơi qua mạng như: Toán quốc tế TIMO, HKIMO; Đấu trường toán học Vioedu các cấp; Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng Nguyên toàn tài các cấp; Câu lạc bộ văn - toán tuổi thơ cấp trường, cấp cụm trường, cấp tỉnh; Ngày hội học sinh Tiểu học, Ngày hội Stem, Chương trình English Challenge Cuộc thi TOEFL Primary, …

Tổ chức cuộc thi Nhà toán học nhí cấp trường cho HS khối 1-2-3-4.

Chất lượng học sinh tham gia các cuộc thi và giao lưu:

+ Tin học trẻ cấp tỉnh: 1 em đạt giải

+ CLB Văn - Toán tuổi thơ cấp tỉnh: 1 em đạt giải

+ Tham gia CLB Văn - Toán tuổi thơ cấp cụm trường: 2 em đạt giải.

+ Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng Nguyên toàn tài: 100 em đạt giải các cấp

+ Đấu trường Toán học: 100 em đạt giải các cấp

+ Tham gia Chương trình English Challenge do Đài phát thanh truyền hình Nghệ An tổ chức: 1 em đạt giải tuần

+ Mĩ thuật: 5 em đạt giải

+ Tham gia các sân chơi Quốc tế TIMO, HKIMO, SAMO, ... : 50 em đạt giải.

2.4.3 Giáo viên:

Xếp loại GV theo Thông tư 20

a*) Kết quả đánh giá CBQL*

Họ và tên	**Chức vụ**	**Chưa đạt**		**Đạt**		**Khá**		**Tốt**	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
Phạm Thu Hiền	HT	0		0		0		01	
Nguyễn Thị Hằng	Phó HT	0		0		0		01	
Nguyễn Linh Phương	Phó HT	0		0		0		01	
Tổng số								**03**	**100%**

b) Kết quả đánh giá giáo viên

Tổng số GV	**Chưa đạt**		**Đạt**		**Khá**		**Tốt**	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
39	0	0	0	0	21	53,8%	18	46,2%

Xếp loại viên chức:

a) Viên chức quản lý:

Tổng số CBQL	**HTXSNV**		**HTTNV**		**HTNV**		**KHTNV**	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
03	01	33,3%	02	66,7%	0	0	0	0

b) Viên chức không giữ chức vụ quản lý:

Tổng số VC	**HTXSNV**		**HTTNV**		**HTNV**		**KHTNV**	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
41	09	21,9%	32	78,1%	0	0	0	0

Kết quả xếp loại Bồi dưỡng thường xuyên:

Hoàn thành: 100%.

Danh hiệu thi đua:

- Số giáo viên đạt GVDG cấp trường: 12-15 đ/c
- Số giáo viên đạt GVDG cấp cơ sở: 3-5 đ/c

- Danh hiệu thi đua: Chủ tịch Tỉnh tặng Bằng khen: 01đ/c; CSTĐCS: 9-11 đ/c; Lao động tiên tiến: 100%

2.4.4. Danh hiệu thi đua:

- Danh hiệu Chi bộ: Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Danh hiệu Trường: Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Danh hiệu Đoàn thanh niên: Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Danh hiệu Đội TNTPHCM: Liên Đội xuất sắc

*** Điểm mạnh, điểm yếu về thực trạng các hoạt động của nhà trường**

+ Điểm mạnh: Ban Giám hiệu là một tập thể đoàn kết, chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ và hiệu quả, biết phát huy tính dân chủ trong trường học. Được sự tin tưởng của giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Đội ngũ giáo viên là một tập thể đoàn kết, luôn nhiệt tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển. Chất lượng chuyên môn bước đầu đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhiều giáo viên có triển vọng tốt, năng động, sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy đạt hiệu quả cao. Chất lượng giáo dục đại trà từng bước ổn định và nâng cao chất lượng qua từng năm học. Kinh nghiệm trong công tác quản lý, kỉ cương, nề nếp đã từng bước được nâng lên.

+ Điểm yếu: Trường còn thiếu giáo viên cả về số lượng và cơ cấu bộ môn theo quy định *(thiếu 03 giáo viên);* Một số GV có gia đình vùng nội thành nên đủ năm theo quy định đều chuyển vào các trường nội thành nên công tác đào tạo nguồn còn gặp nhiều khó khăn; trình độ tay nghề của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, một số ít giáo viên trẻ mới vào nghề cần phải có thời gian rèn luyện để nâng cao nghiệp vụ. Bên cạnh đó còn một số ít giáo viên chưa đầu tư nhiều cho chuyên môn nghiệp vụ, ngại đổi mới. Cha mẹ học sinh chủ yếu làm nghề nông và buôn bán nhỏ, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn nên việc quan tâm con em học tập và xã hội hóa giáo dục còn nhiều hạn chế. Một số gia định có cha mẹ đi làm ăn xa, gửi con cho ông bà, người thân chăm sóc nên công tác phối hợp trong giáo dục học sinh giữa nhà trường và cha mẹ học sinh còn gặp nhiều bất cập.

1.1.1.2. Các yếu tố bên ngoài

Trường Tiểu học Nghi Ân đóng tại xóm Kim Sơn xã Nghi Ân thuộc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, được thành lập vào tháng 9 năm 1991. Trải qua gần 30 năm phấn đấu, trưởng thành, trường đã đạt được những thành tích cao về mọi mặt, phong trào giáo dục của trường ngày một phát triển; cơ sở vật chất của trường ngày càng được hoàn thiện đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Đảng và Nhà nước đã xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục.
- Có đầy đủ các văn bản pháp quy về giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục ở cấp tiểu học như: Luật giáo dục 2019, thông tư 28/2020/TT-BGDĐT về điều lệ trường tiểu học, Thông tư 17 của Bộ giáo dục về KĐCL và trường chuẩn Quốc gia đối với cấp tiểu học và các văn bản khác của Bộ, ngành, địa phương đã được thực hiện có hiệu quả.

- Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Vinh, của Đảng ủy, chính quyền địa phương trong các hoạt động giáo dục cũng như về xây dựng CSVC.

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và cha mẹ học sinh ngày càng cao. Cha mẹ học sinh luôn có quan tâm đến việc học tập của con em và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho con em được đi học.

- Trong những năm học gần đây, các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực, tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

- Cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu cho công tác dạy và học ngày càng có hiệu quả.

1.1.1.3. Thời cơ, thách thức của nhà trường

1.1.1.3.1. Thời cơ

Trường Tiểu học Nghi Ân luôn nhận được sự quan tâm của chính quyền địa phương; Năm 2021, trường đạt Kiểm định chất lượng mức 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ I; phong trào "Trường học Xanh - Sạch - Đẹp" luôn được xếp loại xuất sắc. Hệ thống cơ sở vật chất và các trang thiết bị dạy học khá đầy đủ và hiện đại. Trường nhiều năm liền đạt danh hiêu Tập thể lao động tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc. Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng. Giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng.

Về hoạt động dạy học: Nhà trường đã thực hiện tốt quy định về kế hoạch giảng dạy và học tập của Bộ, Sở và Phòng Giáo dục đào tạo, chủ động trong kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học, tạo môi trường làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên; chất lượng quản lý chuyên môn ngày càng chặt chẽ; công tác quản lý, chất lượng kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản mang tính pháp quy; trong quản lý việc dạy thêm, học thêm trường đã thực hiện đúng quy định của Bộ, Sở và Phòng Giáo dục đào tạo, tổ chức bồi dưỡng, phụ đạo được cho các đối tượng học sinh năng khiếu, học sinh chưa đạt yêu cầu. Chất lượng giáo dục, rèn luyện của học sinh luôn luôn ổn định và phát triển.

Về hoạt động học tập và rèn luyện: Việc học tập các bộ môn văn hoá được thực hiện chặt chẽ, đúng quy chế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng học tập cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Trong công tác quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. Nhà trường đã chủ động phối hợp với các tổ chức giáo dục khác và đưa ra nhiều biện pháp giáo dục có hiệu quả. Trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lí và theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai kịp thời, đầy đủ các công văn hướng dẫn về dạy học và rèn luyện cho giáo viên và học sinh.

Về điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục: Trong lĩnh vực quản lí nhân lực, trường có đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trẻ, nhiệt huyết, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có sự đoàn kết thống nhất

cao trong nội bộ. Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác; phân công, bố trí chuyên môn hợp lí, nên phát huy được năng lực của từng cán bộ, giáo viên; Nhà trường đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, có kế hoạch cụ thể cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

Về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường đã có diện tích mặt bằng đạt chuẩn, đủ cơ sở vật chất để phục vụ dạy học hai buổi trên ngày và các hoạt động giáo dục của nhà trường, có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất nên phòng học luôn đảm bảo duy trì tốt các hoạt động giáo dục. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác cải tạo cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo chất lượng cho các hoạt động giáo dục trong trường. Trường cũng đã xây dựng được cảnh quan môi trường luôn xanh, sạch sẽ, thoáng mát, tạo cảnh quan sư phạm cho cán bộ giáo viên và học sinh làm việc, học tập.

Về công tác quản lí tài chính: Nhà trường đã cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho cán bộ, giáo viên; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hàng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu chi đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán.

Về tổ chức bộ máy và công tác quản lí điều hành: Lãnh đạo quản lí nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lí vững vàng; có đủ các tổ chức đoàn thể, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của giáo viên và học sinh. Nhà trường có sổ quản lí các công văn đi, công văn đến chặt chẽ, cụ thể phối hợp với Công an phường để phổ biến pháp luật, công tác an toàn giao thông cho cán bộ, giáo viên và học sinh, vì vậy đã nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật cho mọi người, để mọi cán bộ, giáo viên và học sinh của trường sống, làm việc theo hiến pháp, pháp luật.

Về công tác xây dựng môi trường giáo dục: Trong những năm gần đây Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ, giáo viên và học sinh; xây dựng cảnh quan xanh, sạch, đẹp; luôn chú trọng và có biện pháp đảm bảo an ninh; trong nhưng năm học vừa qua, Trường không có tình trạng bạo lực học đường, không có tệ nạn xã hội xảy ra.

Về xây dựng quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội: Trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ và hoạt động có hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục; thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

1.1.1.3.2. Thách thức

- Trong thời kì hội nhập và phát triển, yêu cầu và đòi hỏi của xã hội cũng như của gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục, đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

- Quy mô số lớp, học sinh tăng nhanh trong khi các điều kiện về khuôn viên diện tích, phòng học, CSVC..... của nhà trường chưa đáp ứng đầy đủ và kịp thời.

- Để thực hiện, triển khai thành công chương trình GDPT 2018 đòi hỏi đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý phải đáp ứng tốt các yêu cầu đổi mới giáo dục và cần có sự nổ lực, phấn đấu, bứt phá vươn lên mạnh mẽ.

1.1.1.4. Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường

Tạo môi trường cho học sinh 5 phẩm chất nền tảng và 10 năng lực chủ yếu để giúp học sinh phát triển một cách toàn diện, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên trung học cơ sở.

- **Về Phẩm chất**

Yêu nước: Giúp học sinh biết được đây là truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt Nam, được xây dựng và bồi đắp qua các thời kỳ từ khi ông cha ta dựng nước và giữ nước. Từ đó hình thành tình yêu đất nước cho các em được thể hiện qua tình yêu thiên nhiên, di sản, yêu người dân đất nước mình; tự hào và bảo vệ những điều thiêng liêng đó.

Nhân ái: Hình thành cho các em biết yêu thương, đùm bọc mọi người; yêu cái đẹp, yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt; cảm thông, độ lượng và sẵn lòng giúp đỡ người khác.

Chăm chỉ: Các em biết chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc chung sẽ giúp các em rèn luyện, phát triển bản thân để đạt được những thành công lớn lao trong tương lai.

Trung thực: Hình thành cho các em có tính thật thà, ngay thẳng và biết đứng ra bảo vệ lẽ phải.

Trách nhiệm: Các em biết được trách nhiệm của mình đới với xã hội, biết cống hiến sức mình cho một xã hội tốt đẹp và văn minh hơn.

- Về năng lực:

10 năng lực đó được chia ra thành 2 nhóm: năng lực chung và năng lực chuyên môn.

+ Năng lực chung: Học sinh có năng lực cơ bản, thiết yếu làm nền tảng; Năng lực Tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo.

+ Năng lực chuyên môn: Học sinh có các năng lực chuyên môn gồm: Năng lực Ngôn ngữ, Toán học, Khoa học, Tin học, Thể chất, Thẩm mỹ, Công nghệ, Tìm hiểu TN&XH.

1.1.1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục

- Về Năng lực: Học sinh có năng lực và vận dụng đúng, hiệu quả các năng lực chung và năng lực chuyên môn:

+ Năng lực Chung: Học sinh biết tự chủ và tự học trong các hoạt động và hoạt động học tập của mình; biết giao tiếp và hợp tác bạn bè, giáo viên, người lớn và cộng đồng. trong các hoạt động một cách có hiệu quả; biết giải quyết vấn đề trong các mối quan hệ, trong các hoạt động một cách hiệu quả và sáng tạo.

+ Năng lực chuyên môn: Học sinh đảm bảo có và vận dụng có hiệu quả các năng lực chuyên môn theo chương trình giáo dục cấp tiểu học quy định: năng lực

ngôn ngữ, năng lực Toán học, năng lực Khoa học, năng lực Tin học, năng lực Thể chất, năng lực Thẩm mỹ, năng lực Công nghệ, năng lực Tìm hiểu TN&XH.

- **Về Phẩm chất**:

Học sinh có lòng yêu quê hương đất nước; có lòng nhân ái, tình yêu thương giữa các mối quan hệ con người với con người, với thế giúo xung quanh; có đức tính chăm chỉ, siêng năng cần cù; có thái độ trung thực và trách nhiệm với các hoạt động của mình có bản sắc dân tộc Việt Nam

Chuẩn đầu ra đánh giá học sinh theo các chuẩn về năng lực, phẩm chất. được quy định trong chương trình tổng thể - chương trình GDPT 2018. Chú trọng ***"Đánh giá vì sự tiến bộ của người học".***

Quy trình xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục nhà trường gồm 5 bước cơ bản như sau:

Bước 1. Thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra *(Hiệu trưởng);*

Bước 2. Xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra *(ban chỉ đạo);*

Bước 3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan *(ban chỉ đạo);*

Bước 4. Hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra *(ban chỉ đạo);*

Bước 5. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố chuẩn đầu ra *(Hiệu trưởng)*.

Sau khi hoàn thiện, chuẩn đầu ra được thông qua hội đồng sư phạm nhà trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của trường.

IV. BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC

1. Khung thời gian thực hiện

Ngày tựu trường: Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Ngày khai giảng: Ngày 05 tháng 9 năm 2025

Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025 đến trước ngày 18/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 31/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Ngày 29/5/2026.

2. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
	1. Môn học bắt buộc															
1	**Tiếng Việt**	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	**Toán**	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	**Đạo đức**	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	**TN&XH**	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	**Lịch sử & Địa lí**										70	36	34	70	36	34
6	**Khoa học**										70	36	34	70	36	34
7	**GDTC**	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	**Tin học &CN**							70	36	34	70	36	34	0	36	34
9	**Ngoại ngữ 1**							140	72	68	140	72	68	140	72	68
10	**Nghệ thuật**	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
	2. Hoạt động giáo dục bắt buộc															
1	**Hoạt động trải nghiệm (Chào cờ,**	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51

	SHL, HĐ theo chủ đề, GDĐP)															
	3. Môn học tự chọn, tăng cường															
1	**Ngoại ngữ 1 (lớp 1; 2)**	140	72	68	140	72	68									
2	**Tin học (lớp 1; 2)**	35	18	17	35	18	17									
3	**Toán tăng cường**	35	18	17				35	18	17						
4	**Tiếng Việt tăng cường**	35	18	17				35	18	17						
5	**Đọc sách**				35	18	17	35	18	17						
6	**Hướng dẫn HS tự học**	35	18	17	35	18	17	35	18	17	70	36	34	70	36	34
7	**TATC**	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
8	**STEM**	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	**GDKN công dân số**	32	16	17	32	16	17	32	16	17	32	16	17	32	16	17
	TỔNG															

3. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

3.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	**Chủ điểm**	**Nội dung trọng tâm**	**Hình thức tổ chức**	**Thời gian thực hiện**	**Người thực hiện**	**Lực lượng cùng tham gia**
Tháng 9	Tự hào truyền thống	Chào mừng kỷ niệm 95 năm Ngày Xô Viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930 - 12/9/2025) và 995 năm danh xưng Nghệ An	SHDC "Âm vang Xô Viết – Tự hào Nghệ An"	Thứ 2 ngày 15/9/2025	Giáo viên TPT Đội	GV, HS toàn trường
Tháng 10	Chăm ngoan học giỏi	Chào mừng ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam 20/10	SHDC "Hoa tặng cô, quà tặng mẹ"	Thứ 2 ngày 13/10/2025	Khối 4	GV, HS toàn trường
Tháng 11	Nhớ ơn thầy cô	Chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	Hội diễn văn nghệ "Những bông hoa - Những bài ca" chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	Thứ 2 ngày 17/11/2025	Giáo viên TPT Đội	GV, HS toàn trường
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Chào mừng ngày thành lập QĐND Việt Nam và ngày hội Quốc phòng toàn dân 22/12	SHDC "Uống nước nhớ nguồn"	Thứ 2 ngày 15/12/2025	Khối 5	GV, HS toàn trường
Tháng 01	Chào năm mới 2026	Chào đón năm mới 2026, chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/2	SHDC "Mừng Đảng mừng Xuân"	Thứ 2 ngày 05/01/2026	Khối 3	GV, HS toàn trường
Tháng 02	Chào đón Tết cổ truyền dân tộc	Chào đón Tết cổ truyền Bính Ngọ 2026	Hội chợ Xuân	Thứ 4 ngày 04/2/2026	Giáo viên TPT Đội	GV, PH, HS toàn trường
Tháng 3	Tôn vinh người phụ nữ Việt Nam	Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3	SHDC "Ngàn lời yêu thương"	Thứ 2 ngày 02/3/2026	Khối 2	GV, HS toàn trường

Tháng 4	Đất nước trọn niềm vui	Chào mừng kỷ niệm 51 năm giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước 30/4	SHDC "Mừng non sông thống nhất"	Thứ 2 ngày 13/4/2026	Khối 1	GV, HS toàn trường
Tháng 5	Măng non Việt Nam - Cháu ngoan Bác Hồ	Chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh 15/5 và ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5.	Ngày hội công nhận hoàn thành chương trình Rèn luyện đội viên năm học 2025- 2026	Thứ 2 ngày 11/5/2026	Giáo viên TPT Đội	GV, HS toàn trường

3.2. Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	Đọc sách tại thư viện	Đọc sách	HS từ K1-K5	- Đầu buổi học - Trong giờ ra chơi Sáng: 8h45 - 9h5 Chiều: 15h20-15h40	Phòng thư viện, các góc đọc sách tại trường
2	Chơi các trò chơi dân gian (nhảy dây, ô ăn quan, chuyền thẻ, …)	Vui chơi tự do	HS có nhu cầu tham gia	- Đầu buổi học - Trong giờ ra chơi Sáng: 8h50-9h10 Chiều: 15h20-15h40 - Cuối buổi học	Sân trường
3	CLB nghệ thuật	Học, trải nghiệm	HS có nhu cầu tham gia	Từ 17h đến 18h30 thứ 2; 5	Lớp học
4	CLB nhảy hiên đại DreamStar	Học	HS có nhu cầu tham gia	Từ 17h đến 18h30 thứ 2; 3; 5; 6	Nhà Đa chức năng
5	Hoạt động bán trú	Ăn, ngủ	HS bán trú (1013 em)	Từ 10h30 – 13h45	Các lớp học

3.3. Một số Hoạt động Giáo dục ngoài tiết chào cờ, sinh hoạt lớp:

TT	Nội dung	Khối tham gia	Dự kiến thời gian	Thành phần tham gia
1	Làm bánh	K1	Tháng 12	BGH, GV và PH khối 1
2	Tham quan quê Bác, bảo tàng Nghệ An, Vinwonder Cửa Hội	K2; 3	Tháng 12	BGH, GV và PH khối 1
3	Tham quan quê Bác, bảo tàng Nghệ An, Vinwonder Cửa Hội	K 4; 5	Tháng 12	BGH, GV và PH khối 4-5

V. Các nhiệm vụ và giải pháp

1. Truyền thông về giáo dục

1.1. Truyền thông về chương trình giáo dục

- Truyền thông về những điểm mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018, về mục tiêu, phương pháp dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Truyền thông về các hoạt động học tập của học sinh (các tiết chuyên đề, các dự án học tập, cách học sinh được phát triển năng lực, phẩm chất tại trường)

2.2. Truyền thông về các hoạt động ngoại khóa

- Các câu lạc bộ: Giới thiệu về các câu lạc bộ được tổ chức tại trường (*CLB Mĩ thuật, CLB nhảy hiện đại, CLB karatedo, CLB Tiếng Anh*) để học sinh có thể tham gia theo đúng năng lực, sở trường của từng em

- Các hoạt động trải nghiệm, dã ngoại: Truyền thông cho PH biết được các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm của HS, chương trình kế hoạch nhỏ, …

2.3. Truyền thông về các cuộc thi: Thông tin để PHHS biết về các cuộc thi cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia (*Văn – Toán tuổi thơ, Đại sứ Văn hoá đọc; English Challenge,…*); các sân chơi qua mạng (*Trạng Nguyên tiếng Việt, Trạng Nguyên Toàn tài, Vioedu…)*

2.4. Truyền thông về cơ sở vật chất:

- Thông tin về việc nâng cấp phòng học, thư viện, sân chơi ... để học sinh có một môi trường học tập tốt hơn.

- Thông tin về các ứng dụng công nghệ, giới thiệu về việc trang bị các thiết bị hiện đại như bảng tương tác thông minh, phần mềm học tập, camera giám sát,...

4. Truyền thông về sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình

- Truyền thông về vai trò và những đóng góp của Hội phụ huynh trong việc xây dựng nhà trường; sửa chữa, cải tạo khuôn viên sân chơi bãi tập.

- Thông báo về thời gian và nội dung của các buổi họp, cũng như cách thức phối hợp giữa phụ huynh và giáo viên để cùng giáo dục học sinh.

- Hướng dẫn phụ huynh sử dụng các kênh liên lạc như sổ liên lạc điện tử, group Zalo, Facebook... để nắm bắt thông tin nhanh chóng.

5. Truyền thông về các sự kiện đặc biệt

- Lễ khai giảng, lễ tổng kết năm học, các thành tích mà học sinh và nhà trường đã đạt trọng năm học.

- Các ngày lễ lớn: Thông tin về các hoạt động tổ chức vào các ngày lễ lớn như ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Ngày hội Quốc phòng toàn dân, Tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1-6, …

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo

2.1. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo, CBQL

Bố trí, sử dụng đội ngũ bảo đảm đủ giáo viên dạy đúng, đủ chương trình các môn học theo quy định; phù hợp với chuyên ngành đào tạo, phát huy được sở trường, năng lực của GV. Lựa chọn đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn giỏi, kỹ năng sư phạm tốt làm GV cốt cán và giới thiệu vào nguồn.

Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường, liên trường và phát triển cộng đồng học tập chuyên môn tạo nhiều cơ hội trao đổi, học hỏi, chia sẻ nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp; khuyến khích GV tự học tự bồi dưỡng bằng nhiều

hình thức phù hợp (*trực tiếp/trực tuyến*); lựa chọn nội dung sinh hoạt chuyên môn thiết thực, xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn phù hợp, hiệu quả nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, nhất là GV dạy môn ngoại ngữ; dạy môn học khác bằng ngoại ngữ, dạy chương trình giáo dục tích hợp, đặc biệt là tiếng Anh, nhằm tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

Tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông[11].

Tổ chức tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GDĐT.

2.2. Đổi mới hình thức tổ chức và PPDH

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học nhằm giúp HS được tương tác, trải nghiệm, tham gia tích cực, khám phá và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập vui vẻ, hứng thú góp phần phát triển phẩm chất, năng lực HS. Đa dạng hoá hình thức tổ chức dạy học phù hợp với môn học/hoạt động giáo dục, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng HS. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học trong bối cảnh hiện nay.

2.3. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học

Xây dựng KHGD của môn học/HĐGD; nghiên cứu chương trình môn học; nghiên cứu bài học gắn với các chuyên đề cấp trường nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh khi triển khai thực hiện chương trình (Mỗi môn học thực hiện nghiên cứu ít nhất 01 bài học/năm học. Đối với các môn Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ ít nhất 01 bài/1 khối, lớp.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Tăng cường SHCM nhằm trao đổi việc thực hiện chương trình, thực hiện tốt dạy học phát triển năng lực, chú trọng dạy chữ đi đôi với dạy người.

Tăng cường hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học, góp ý xây dựng giúp GV nâng cao năng lực giảng dạy, chú ý quan tâm giáo viên trẻ, giáo viên mới về trường. Yêu cầu CBQL, GV thực hiện tự học, tự bồi dưỡng nghiêm túc, thực chất; tạo điều kiện cho GV được học hỏi trong và ngoài nhà trường. Khuyến khích giáo viên đăng ký thực hiện "Tiết học hạnh phúc"; "Tiết học kết nối"…

Năm học 2025 – 2026, trường dự kiến tổ chức SHCM nghiên cứu bài học các chuyên đề sau:

TT	Nội dung chuyên đề	Thời gian thực hiện	Phân công phụ trách	Quy mô tổ chức
1	Vận dụng công nghệ AI trong dạy học (demo)	Tháng 8/2025	BGH, khối trưởng các khối	Toàn trường
2	Giáo dục kỹ năng công dân số	Tháng 8/2025	BGH, TT KDC	Toàn trường
3	Dạy tiết đọc sách tại thư viện	Tháng 10/2025	BGH, GV khối 2	Toàn trường

[11] Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2022 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GVPT; Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2022 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở GDPT;

4	Vận dụng công nghệ AI trong dạy học.	Tháng 11/2025	BGH, GV khối 3	Toàn trường
5	Hướng dẫn HS lớp 5 viết đoạn văn nghị luận đơn giản	Tháng 12/2025	BGH, GV khối 5	Toàn trường
6	Dạy học Địa lý địa phương.	Tháng 1/2026	BGH, GV khối 1	Toàn trường
7	Chuyên đề Dạy học kết nối với các trường trong cụm và nước ngoài.	Tháng 3/2026	Tổ Tiếng Anh	Theo tổ
	Dạy học lồng ghép Giáo dục công dân số cho HS	Tháng 4/2026	BGH, GV khối 1	Toàn trường

2.4. Ứng dụng CNTT trong dạy học.

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

Hưởng ứng đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" [12] phù hợp với kế hoạch, chương trình hành động của ngành giáo dục và Kế hoạch chuyển đổi số tại địa phương.

Có các giải pháp tham mưu cho UBND phường từng bước hiện đại hoá CSVC, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; hệ thống quản lí nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, GV, HS, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dự liệu cá nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho HS tham gia các sân chơi trực tuyến, các tiết học kết nối với các địa phương nhằm tạo điều kiện cho HS được tương tác, có nhiều cơ hội thử nghiệm ở các môi trường học tập khác.

b) Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) đổi mới công tác quản lý giáo dục.

Chỉ đạo thực hiện lồng ghép nội dung khung năng lực số trong môn Tin học, các môn học khác và hoạt động giáo dục phù hợp với đối tượng HS nhằm nâng cao năng lực số cho HS tiểu học theo hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT[13], đảm bảo hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số.

Tích hợp phát triển năng lực số thông qua hoạt động giáo dục STEM, dự án học tập. Lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức các câu lạc bộ phù hợp nhằm tạo các sân chơi sáng tạo giúp HS huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng từ nhiều lĩnh vực (môn học, chủ đề nội dung).

Thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực hợp pháp để tổ chức đa dạng các hoạt động tăng cường giáo dục kỹ năng phù hợp với điều

[12] Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"

[13] Công văn 3456/BGD ĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GD ĐT hướng dẫn triển khai khung năng lực sô cho HS phổ thông và học viên GDTX

kiện địa phương theo quy định của pháp luận hiện hành[14].

Thực hiện các nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT[15] và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hoá công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khoá biểu, phân công chuyên môn, quản lý CSVC, giảm tải cho GV, nhân viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI nhằm không ngừng nâng cao công tác quản trị nhà trường.

3. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT[16]; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Chú trọng đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập nhằm giúp GV kịp thời hỗ trợ HS, điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học; đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của HS. Quan tâm đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, an toàn giao thông,… nhằm hình thành phát triển giáo dục toàn diện cho HS

Xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học/hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

4. Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích

- Tổ chức thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất HS; dạy học phân hoá đối tượng; Quán triệt nghiêm túc mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu để cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và các tầng lớp nhân dân, đoàn thể tổ chức cơ sở có sự nhận thức đúng đắn và đầy đủ.

- Rà soát phân loại đối tượng học sinh trên cơ sở kết quả kiểm tra thường xuyên,

---

[14] Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác của pháp luật.

[15] Công văn 119/BGD ĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; Công văn số 1485/BGDĐT-GDPT ngày 2/4/2025 của Bộ GD ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giỏo dục và triển khai Học bạ số.

[16] Thụng tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đỏnh giỏ học sinh tiểu học.

kiểm tra định kì của học sinh, ý kiến đánh giá của giáo viên chủ nhiệm theo Chuẩn kiến thức kỹ năng/yêu cầu cần đạt ở lớp mà học sinh đang học.

- Lập danh sách học sinh năng khiếu (HS đăng ký tham gia các CLB), học sinh chưa đạt yêu cầu, xây dựng chỉ tiêu phấn đấu thi đua; báo cáo thực trạng và danh sách học sinh để theo dõi.

- Giao cho giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên năng khiếu, tổ chuyên môn, gia đình học sinh xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo, tìm biện pháp bồi dưỡng kèm cặp, giúp đỡ, quan tâm cho phù hợp với từng đối tượng và đạt hiệu quả.

- Ban giám hiệu nhà trường và tổ trưởng chuyên môn trực tiếp theo dõi, quản lý: kiểm tra đánh giá kết quả dạy - học của giáo viên và học sinh thường xuyên theo tháng và định kì

- Thông báo kết quả học tập và trao đổi tình hình học tập của học sinh với gia đình các em thường xuyên theo tháng và học kì.

5. Thực hiện GD đối với HS khuyết tật hòa nhập, HS có hoàn cảnh khó khăn.

Thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật[17]. Thực hiện hiệu quả giáo dục hoà nhập đối với HS khuyết tật; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho HS khuyết tật thông qua việc điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng đối tượng HS; tăng cường phát hiện, can thiệp sớm; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá HS khuyết tật linh hoạt, hiệu quả. Đánh giá học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành và căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định[18].

Lập hồ sơ, tổ chức xét duyệt, chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi cho Nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập được quy định tại Công văn Số 2453/SGDĐT-TCCB của SGD&ĐT Nghệ An, ngày 28 tháng 8 năm 2025 v/v thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo phương thức hòa nhập năm học 2025-2026; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

Triển khai các hoạt động hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn trong năm học, bao gồm hỗ trợ tài chính, học bổng, chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập và các hình thức hỗ trợ khác nhằm bảo đảm điều kiện học tập tối thiểu. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển năng lực cá nhân, nâng cao kỹ năng sống và sự tự

---

[17] Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTB&XH quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

[18] Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

tin cho HS, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

6. Công tác tài chính

Tham mưu với chính quyền địa phương thực hiện tốt kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở vật chất gắn với trường chuẩn quốc gia, làm tốt công tác vận động tài trợ để tăng cường trang thiết bị dạy học hiện đại.

Sắp xếp hợp lý để có phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, khu vực sân chơi, bãi tập … Khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo quản tốt CSVC, trang thiết bị dạy học, gắn trách nhiệm của giáo viên với việc bảo quản, sử dụng thiết bị dạy học.

Thực hiện rà soát, mua sắm thiết bị[19], đồ dùng dạy học theo đúng quy định, bảo đảm có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có. Thực hiện công khai danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường. Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng *"thiết bị đến trường mà không ra lớp"*; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học[20]; thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học bổ sung vào phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo lộ trình.

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lí thiết bị dạy học. Phát huy hiệu quả việc sử dụng phần mềm quản lí cơ sở vất chất. Có kế hoạch xây dựng phòng họp trực tuyến, dạy học kết nối. Đầu tư một số dụng cụ đồ chơi, thiết bị vận động trong khuôn viên (dây nhảy, bóng rổ, ...), tạo điều kiện CSVC cho học sinh được luyện tập thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe tại trường.

Hướng dẫn cho phụ huynh học sinh chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, đồ dùng học tập và các tài liệu bổ trợ phù hợp; thực hiện hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hướng dẫn học sinh sử dụng sách, vở hàng ngày phù hợp và biết khai thác sách, tài liệu học tập ở thư viện nhà trường.

7. Công tác KĐCL và xây dựng trường chuẩn Quốc gia

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Thực hiện nghiêm túc quy trình cam kết chất lượng, đảm bảo chất lượng kết quả đầu ra. Kiểm định chất lượng là tiền đề quan trọng để nhà trường tự đánh giá và hoàn thiện, từ đó tạo nền tảng vững chắc để xây dựng và duy trì danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

Thực hiện công tác tự đánh giá nhằm phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan

---

[19] Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị tối thiểu cấp tiểu học; Thông tư 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục TBDH tối thiểu ban hành theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT

[20] Công văn số 4470/BGDĐT-CSVC ngày 28/9/2018 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn trong cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.

tâm đầu tư các nguồn lực, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Quan tâm công tác xây dựng môi trường, cảnh quan trường lớp đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện, phù hợp, thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện đổi mới PPDH phát triển năng lực học sinh. Chú ý xây dựng và phát triển môi trường dạy học Tiếng Anh, từng bước đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học.

Trường đã được Sở GD&ĐT kiểm tra công nhận kiểm định chất lượng 5 năm gắn với công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 9/2021.

Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo, nhà trường đang tiến hành thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục các điểm yếu đã chỉ ra trong báo cáo tự đánh giá, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; từng bước hoàn thiện các tiêu chí để kiểm định chất lượng cấp độ 3 gắn với xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

8. Công tác kiểm tra nội bộ trường học[21]

- Công tác kiểm tra nội bộ trường học được tiến hành thường xuyên để theo dõi, xem xét, đánh giá toàn bộ các hoạt động giáo dục trong phạm vi nhà trường trên cơ sở kiểm tra đối chiếu với các quy định của Luật Giáo dục và các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan quản lý;

- Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nhiệm vụ đã được phân công cho tập thể, cá nhân, phải gắn với yêu cầu đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Tăng cường công tác xử lý sau kiểm tra, nhằm ngăn chặn hoặc kịp thời chấn chỉnh sai phạm (nếu có);

- Đánh giá đúng các ưu điểm và khuyết điểm của từng tổ chức, cá nhân để kịp thời động viên, thúc đẩy hoặc điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện của nhà trường; giúp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động, người học nhận ra từng mặt mạnh, mặt yếu của mình để tăng cường hoạt động tự kiểm tra, tự bồi dưỡng một cách thiết thực và bổ ích;

- Kết quả kiểm tra được thông báo trực tiếp cho từng cá nhân, người chịu tránh nhiệm chính của tập thể được kiểm tra và thông báo công khai trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm.

- Hoạt động kiểm tra nội bộ (KTNB) phải đảm bảo hoạt động bình thường của các tổ chức, cá nhân; đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường.

- Lập hồ sơ kiểm tra và lưu trữ hồ sơ kiểm tra đầy đủ theo hướng dẫn của cấp trên.

9. Công tác thư viện và phát triển văn hóa đọc

Đổi mới hoạt động thư viện trường học nhằm hình thành thói quen đọc sách, ý thức tự học, tự nghiên cứu cho học sinh tiểu học. Tiếp tục vận dụng mô hình thư viện thân thiện của Room to Read phù hợp điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; xây dựng thời khóa biểu có

[21] Thông tư số 28/2024/TT-BGDĐT ngày 28/12/2024

tiết đọc thư viện và tiết học thư viện (khối 2; 3); đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Nhân rộng mô hình thư viện thân thiện phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT[22] nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường Tiểu học, trong đó bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

GVCN phối hợp với cán bộ thư viện sắp xếp, bố trí tiết đọc sách phù hợp và tạo điều kiện cho học sinh học tốt tiết đọc sách và được đọc sách sau giờ học chính thức trong ngày. Tổ chức ngày đọc sách, tuần đọc sách, đọc sách theo chủ đề, thi kể chuyện theo sách, viết về sách …để phát triển văn hóa đọc.

10. Công tác phổ cập

Nhà trường thực hiện kế hoạch phổ cập, xoá mù chữ trên địa bàn do UBND phường chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện; phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ theo các quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Tham gia Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ của phường, bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xoá mù chữ.

Chỉ đạo việc điều tra, cập nhật dữ liệu vào hệ thống phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ; hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ đúng quy định. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Không ngừng nâng cao chất lượng phổ cập gắn với điều kiện đảm bảo về đội ngũ, CSVC, huy động HS ra lớp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học Mức độ 3.

11. Các hoạt động giáo dục khác

11. 1. Công tác y tế trường học

Xây dựng kế hoạch hoạt động y tế học đường cụ thể cho năm học. Phối hợp với y tế địa phương và phụ huynh để quản lý và chăm sóc sức khỏe học sinh. Trang bị đầy đủ phòng y tế đạt chuẩn, có đủ các thiết bị, dụng cụ y tế và tủ thuốc cần thiết.

Tiếp nhận, sơ cứu và xử lý các trường hợp tai nạn, ốm đau thông thường cho học sinh và giáo viên ngay tại trường. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh ít nhất một lần/năm học, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân cho từng học sinh, theo dõi và cập nhật tình trạng sức khỏe của học sinh.

Phối hợp với y tế địa phương để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch

---

[22] Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022, Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học; Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 – 2021.

bệnh truyền nhiễm trong trường học (như sởi, tay chân miệng, thủy đậu...), đặc biệt là các đợt bùng phát theo mùa. Kiểm tra, giám sát vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh, hệ thống nước sạch và bếp ăn bán trú. Tuyên truyền, giáo dục học sinh và phụ huynh về các biện pháp vệ sinh cá nhân, rửa tay đúng cách và giữ gìn vệ sinh môi trường. Giám sát bữa ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và cân đối dinh dưỡng.

Thành lập và phát huy tốt đội tuyên truyền măng non; làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống bệnh dịch vào SH 15 phút đầu giờ, giờ ra chơi....

Thường xuyên kiểm tra vệ sinh cá nhân học sinh, ăn mặc, đầu tóc, vệ sinh trường lớp và vệ sinh thực phẩm của các lớp bán nội trú. Kiểm tra các công trình vệ sinh, xử lí rác thải, cống rãnh đảm bảo vệ sinh môi trường.

Lồng ghép nội dung giáo dục sức khỏe vào các tiết học chính khóa hoặc hoạt động ngoại khóa (nói chuyện chuyên đề về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần, phòng chống bạo lực học đường, …).

11.2. Lao động, vệ sinh; xây dựng cảnh quan môi trường *(Phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực)*

Để xây dựng khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, học sinh, phụ huynh và cộng đồng.

Đầu năm học, giao cho Tổng phụ trách Đội lập phân chia khu vực vệ sinh cho từng lớp học, từ lớp học, hành lang đến sân trường và nhà vệ sinh. Lên lịch tổng vệ sinh định kỳ (hàng tuần, hàng tháng) toàn trường; duy trì hoạt động vệ sinh hàng ngày. Yêu cầu các lớp trang bị chổi, khăn lau, cây lau nhà, xà phòng rửa tay, và các dung dịch vệ sinh an toàn để HS tự lau nhà, quét lớp, giữa gìn vệ sinh lớp học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Phân công các lớp chăm sóc bồn hoa, cây cảnh để góp phần làm đẹp cảnh quan trường lớp. Tại các phòng học, GV hướng dẫn PH, HS sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí, tạo ra các sản phẩm thủ công. Khuyến khích học sinh vẽ tranh, thiết kế các góc sáng tạo để làm đẹp thêm cho không gian lớp học để tạo môi trường học tập thân thiện và sinh động.

Tích hợp các bài học về bảo vệ môi trường vào các môn học như Khoa học, Tự nhiên và Xã hội. Tổ chức các buổi ngoại khóa, buổi nói chuyện chuyên đề về ý nghĩa của việc giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường. Tổ chức các cuộc thi, hoạt động ngoại khóa như "Em yêu trường em", "Trường học thân thiện" để nâng cao ý thức của học sinh. Khen thưởng những tập thể, cá nhân có ý thức và hành động đẹp trong việc giữ gìn vệ sinh chung. Tuyên truyền và vận động phụ huynh cùng tham gia vào các hoạt động vệ sinh, chăm sóc cây xanh của trường, tạo sự đồng bộ giữa gia đình và nhà trường.

Tất cả các biện pháp trên đều nhằm hình thành thói quen và ý thức tự giác cho học sinh ngay từ khi còn nhỏ, từ đó xây dựng một môi trường học đường không chỉ sạch, đẹp, an toàn mà còn là nơi giáo dục toàn diện cho các em.

11.3. Công tác bán trú

Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường. Việc tổ chức hoạt động bán trú bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,…cho học sinh; tổ chức ăn trưa, bán trú bảo đảm an toàn, vệ sinh thực

phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh. Tiếp tục tổ chức tốt hoạt động chăm sóc bữa ăn bán trú theo mô hình "bữa ăn học đường có sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa". Huy động nguồn lực đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất bán trú theo hướng hiện đại đảm bảo, lắp camera ở các khu vực nhà bếp, đảm bảo giám sát chặt chẽ quy trình chế biến thức ăn cho học sinh, tăng tính công khai, minh bạch.

Xây dựng thực đơn cụ thể từng bữa ăn ngay từ đầu tuần, thực đơn hàng ngày đảm bảo khẩu phần ăn cho học sinh theo phần mềm cân bằng dinh dưỡng. Vận dụng chương trình Bữa ăn dinh dưỡng và nâng cao chất lượng bán trú. Sử dụng phần mềm xây dựng thực đơn bữa ăn bán trú 2 buổi/tuần vào công tác bán trú, quan tâm hàng đầu đến công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương cho học sinh; tham gia các hoạt động thư giãn sau giờ ăn trưa (đọc sách, xem các thước phim ngắn, ...)

Quản lí, kiểm tra và bổ sung cơ sở vật chất, đảm bảo mức sinh hoạt bình thường cho học sinh ở lại buổi trưa tại trường. Giao công việc cụ thể cho bộ phận thực hiện công tác bán trú, GV dạy, trực lớp bán trú về việc chăm sóc học sinh ăn nghỉ, bảo quản đồ dùng bán trú.

BGH phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh kiểm tra ATTP (định kỳ, đột xuất) các hoạt động của bếp ăn và việc chăm sóc, quản lý học sinh trên lớp.

11.4. Công tác tâm lý học đường

Công tác tâm lý học đường tại trường Tiểu học đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện, giúp các em giải quyết những khó khăn tâm lý và xây dựng một môi trường học tập tích cực. Để công tác tư vấn tâm lý học đường được triển khai hiệu quả, nhà trường xây dựng kế hoạch như sau:

- Tổ chức tập huấn để nâng cao kiến thức, kỹ năng nhận biết và xử lý ban đầu các vấn đề tâm lý của học sinh cho toàn thể giáo viên chủ nhiệm và cán bộ, nhân viên trong trường.

- Bố trí phòng tư vấn tâm lý riêng tư, thân thiện để học sinh, phụ huynh và giáo viên có thể đến chia sẻ, trao đổi. Đặt hòm thư "Điều em muốn nói" hoặc "Hòm thư tâm sự" tại nơi kín đáo để học sinh có thể gửi gắm những suy nghĩ, cảm xúc mà không ngại ngùng. Thiết lập một kênh liên lạc (như số điện thoại, email) để học sinh và phụ huynh có thể liên hệ khi cần sự hỗ trợ khẩn cấp.

- Lồng ghép các bài học về kỹ năng giao tiếp, kiểm soát cảm xúc, giải quyết mâu thuẫn vào các tiết sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khóa. Tổ chức các buổi nói chuyện, chuyên đề về các chủ đề gần gũi với học sinh như: kết bạn, phòng chống bạo lực học đường, tự tin trước đám đông.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ để theo dõi sự phát triển tâm lý của học sinh, đặc biệt là những trường hợp có dấu hiệu bất thường.

- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động đã triển khai và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế, đảm bảo công tác tâm lý học đường luôn đáp ứng được nhu cầu của học sinh và nhà trường, góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng và ước mơ của mình.

11.5. Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học *(Phòng cháy*

chữa cháy; Phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; Phòng chống xâm hại, bạo lực học đường; Phòng chống dịch bệnh; tệ nạn xã hội; ...)

Làm tốt công tác đảm bảo an ninh an toàn trường học; phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, hướng dẫn học sinh tham gia môi trường mạng an toàn, lành mạnh, đúng quy định. Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học, bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý. Thực hiện lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng sống an toàn. Bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ, phòng chống dịch bệnh học đường; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc dân chủ trong trường học. Tổ chức thực hiện các nội dung biện pháp tự đánh giá kết quả xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích theo quy định của Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

11.6. Công tác dân chủ cơ sở

Công tác dân chủ cơ sở tại nhà trường được thực hiện công khai được theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ban hành ngày 03/06/2024, có hiệu lực từ ngày 19/07/2024, quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; dựa trên nguyên tắc *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*, nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như nâng cao trách nhiệm của Hiệu trưởng. Điều này giúp xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, minh bạch và hiệu quả.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức và thực hiện quy chế dân chủ, đảm bảo mọi hoạt động công khai, minh bạch (công khai các chủ trương, chính sách; kế hoạch năm học, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật; thu chi tài chính và các khoản đóng góp của học sinh).

Giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến vào kế hoạch giáo dục, quy chế chi tiêu nội bộ, giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học. Mọi người có quyền được biết, được bàn bạc và kiểm tra việc thực hiện các quyết định của nhà trường. Có nghĩa vụ và quyền lợi trong việc thực hiện dân chủ, đồng thời tuân thủ các quy định đã được ban hành.

11.7. Công tác phòng chống tham nhũng

Tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục về Luật Phòng, chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Lồng ghép nội dung về đạo đức, liêm chính, tiết kiệm vào các bài giảng và hoạt động ngoại khóa để giáo dục học sinh ngay từ nhỏ.

Nhà trường công khai, minh bạch toàn bộ các khoản thu chi ngân sách, các khoản đóng góp tự nguyện của phụ huynh và các khoản xã hội hóa giáo dục trên bảng tin, website của trường, hoặc các cuộc họp phụ huynh.

Xây dựng và công khai quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định rõ ràng các định mức, tiêu chuẩn, nhằm đảm bảo mọi khoản chi đều có cơ sở và được giám sát chặt chẽ. Lãnh đạo nhà trường chủ động kiểm tra, rà soát các hoạt động của các bộ phận, phòng ban, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót, tiêu cực.

Công tác phòng chống tham nhũng tại nhà trường là một phần quan trọng của công tác quản lý nhà nước nhằm đảm bảo sự minh bạch, công bằng và hiệu quả trong

mọi hoạt động của nhà trường.

11.8. Công tác dân vận chính quyền

Công tác dân vận chính quyền tại nhà trường là một phần quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa nhà trường và cộng đồng. Công tác này giúp nhà trường lắng nghe ý kiến của nhân dân, tạo sự đồng thuận và huy động nguồn lực từ xã hội để nâng cao chất lượng giáo dục. Các biện pháp cụ thể:

- Phổ biến các chủ trương, chính sách mới về giáo dục của Đảng và Nhà nước. Điều này giúp phụ huynh hiểu rõ hơn về chương trình học, mục tiêu đào tạo, từ đó cùng phối hợp với nhà trường.

- Có các kênh tiếp nhận thông tin hiệu quả như hòm thư góp ý, các buổi họp phụ huynh, hoặc các cuộc đối thoại trực tiếp. Điều này giúp nắm bắt những mong muốn, thắc mắc về các vấn đề như chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất, hay các khoản đóng góp.

- Đảm bảo sự minh bạch trong mọi hoạt động của nhà trường. Các thông tin về kế hoạch năm học, quy chế chi tiêu, thu chi tài chính phải được công khai, rõ ràng, tạo lòng tin và sự đồng thuận trong nhân dân.

- Thành lập và phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh, đây là cầu nối quan trọng giúp nhà trường và phụ huynh thấu hiểu, đồng hành cùng nhau trong việc giáo dục học sinh.

Phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông và các chính sách an sinh xã hội cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Hiệu trưởng là người tiên phong, gương mẫu trong việc thực hiện dân chủ, lắng nghe ý kiến và tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia giám sát các hoạt động của nhà trường. Mỗi giáo viên là một "cán bộ dân vận" tại cơ sở. Giáo viên chủ nhiệm cần thường xuyên trao đổi với phụ huynh, chia sẻ thông tin về tình hình học tập của học sinh, đồng thời lắng nghe và tiếp nhận những phản hồi từ phía gia đình. Mối quan hệ thân thiện và tin cậy giữa giáo viên và phụ huynh là yếu tố quyết định sự thành công của công tác dân vận.

11.9. Công tác cải cách hành chính

Để nâng cao chất lượng giáo dục và phục vụ, công tác cải cách hành chính (CCHC) tại nhà trường là rất cần thiết. CCHC nhằm ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường tính minh bạch, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, học sinh và phụ huynh. Một số biện pháp cụ thể:

- Tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn để mọi người hiểu rõ lợi ích của CCHC. - Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên về việc ứng dụng công nghệ.

- Chuyển đổi hồ sơ học sinh, giáo viên từ dạng giấy sang dạng điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ và truy xuất thông tin.

Cải cách hành chính tại nhà trường góp phần xây dựng một nền giáo dục hiện đại, gần gũi và hiệu quả hơn.

11.10. Công tác truyền thông

Chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục

Tiểu học; tình hình và kết quả triển khai thực hiện CT, SGK mới đối với giáo dục Tiểu học để được chia sẻ, đồng thuận, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích sự tham gia tích cực của phụ huynh học sinh trong công tác giáo dục.

Xây dựng kế hoạch truyền thông, tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành, hoạt động của nhà trường, của ngành được cán bộ, giáo viên, người lao động biết và thông hiểu; tăng cường phát huy hiệu quả tổ chức truyền thông trên các trang website, fanpage, Zalo, Facebook… Khuyến khích đội ngũ GV, NV, CBQL chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ GV, NV, CBQL, các em HS, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Chủ động xử lý các vấn đề truyền thông. Nâng cao kĩ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

VI. BẢO ĐẢM YẾU TỐ ĐẦU RA

1. Thực hiện đánh giá, xếp loại GV theo quy định

1.1 Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá GV theo Chuẩn nghề nghiệp

- Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp bảo đảm nghiêm túc, công bằng, khách quan, đúng quy định. Trường tổ chức để GV tự đánh giá theo chu kỳ một năm một lần vào cuối năm học. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá GV theo chu kỳ hai năm một lần vào cuối năm học.Trong trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý của Phòng GDĐT, nhà trường rút ngắn chu kỳ đánh giá giáo viên. Việc đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT. Hồ sơ đánh giá, xếp loại GV đúng quy định, lưu giữ đầy đủ.

Năm học 2025-2026, nhà trường xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng tối thiểu mức 2, tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 17 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt ở mức khá trở lên. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt 97%, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

1.2. Đánh giá chất lượng giờ dạy của giáo viên thông qua kết quả đánh giá giờ dạy

Giao Phó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn đánh giá giờ dạy của GV bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng. Chú ý cả đối tượng GV trẻ, GV cao tuổi, GV cốt cán, GV còn hạn chế năng lực để giúp GV học hỏi lẫn nhau, phát huy ưu điểm, mặt mạnh, khắc phục hạn chế, tồn tại trong dạy học; đổi mới PPDH, nâng cao năng lực, hiệu quả dạy học cho đội ngũ.

1.3. Tổ chức hội giảng trong nhà trường để đánh giá kết quả thi giáo viên giỏi các cấp.

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường phát động phong trào thi GVG. Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội giảng để tạo phong trào thi đua trong giảng dạy của GV; tổ chức hội thi GVG cấp trường để phát hiện nhân tố điển hình, bồi dưỡng dự thi GVG

các cấp; góp phần nâng cao năng lực dạy học của GV. Dự kiến thời gian tổ chức thi cấp trường tháng 11 năm 2025.

1.4. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn, kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của GV

Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng thành lập Ban kiểm tra nội bộ. Ban kiêm tra nội bộ xây dựng kế hoạch chủ động, linh hoạt phối hợp các lực lượng (*Tổ CM, Ban Thanh tra nhân dân,TPTĐ....)* tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ, sổ sách của GV, kể cả hồ sơ điện tử ,.. góp phần xây dựng nền nếp làm việc nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả của đội ngũ giáo viên.

1.5. Đánh giá tiết học trên lớp (theo Phiếu đánh giá tiết học – Phiếu dự giờ), qua các lĩnh vực: kiến thức, kĩ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học

Giao Phó hiệu trưởng chỉ đạo tổ CM thực hiện đánh giá tiết học trên lớp theo 4 tiêu chí về: kiến thức, kĩ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học, giúp GV thấy được mặt mạnh, ưu điểm, mặt tồn tại, hạn chế của bản thân, chỉ ra hạn chế trong việc học tập của học sinh để GV có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp từ đó nâng cao nghiệp vụ và trình độ tay nghề cho giáo viên.

1.6. Đánh giá năng lực của GV thông qua kết quả học tập tiến bộ của học sinh so với kì trước, năm học trước

Cuối kỳ, cuối năm giao Phó hiệu trưởng tổ chức tổng hợp kết quả học tập của học sinh từng lớp; phân tích, đối sánh kết quả học tập của học sinh so với học kỳ trước, năm học trước để thấy được sự chuyển biến, tiến bộ về kết quả học tập của học sinh, từ đó làm cơ sở đánh giá năng lực và cố gắng của GV trong dạy học.

2. Đánh giá chất lượng học tập của học sinh

Cuối kỳ, cuối năm giao Phó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước bảo đảm thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định.

2.1. Đánh giá sự hình thành và phát triển của học sinh (gồm 5 phẩm chất và 10 năng lực); mức độ học sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của lớp trên và cấp học THCS

Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tổ chức đánh giá học sinh theo từng khối lớp học. Đánh giá cụ thể học sinh về 5 phẩm chất (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm)*và 10 năng lực gồm 3 năng lực chung (*năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*); 7 năng lực chuyên môn (*ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất*).

Trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh, cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi hoàn thành CT tiểu học vào THCS học theo Chương trình GDPT 2018.

2.2. Kết quả đánh giá cuối năm đối với học sinh

- Đánh giá cuối năm đối với từng môn học, hoạt động giáo dục: tỉ lệ xếp loại Hoàn thành tốt, Hoàn thành và Chưa hoàn thành.

- Đánh giá cuối năm về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực: tỉ lệ xếp loại tốt, Đạt và Cần cố gắng.

2.3. Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chưa hoàn thành chương trình lớp học

Năm học 2025-2026 nhà trường xây dựng kế hoạch dự kiến tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chưa hoàn thành chương trình lớp học như sau:

2.4. Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học

Năm học 2025-2026 nhà trường xây dựng kế hoạch dự kiến Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, chưa hoàn thành chương trình tiểu học như sau:

TT	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	Tổng số HS	**218**		**201**		**217**		**225**		**241**	
		Số lượng	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**
1	**Kết quả xếp loại GD**										
	HTXS	68	31,3%	65	32,3%	61	28,1%	65	28,9%	59	24,4%
	Hoàn thành tốt	110	50,1%	90	44,8%	67	30,9%	64	28,4%	74	30,7%
	Hoàn thành	37	17%	46	22,9%	89	41%	96	42,7%	108	44,8%
	Chưa HT	3	1,4%	0	0	0	0	0	0	0	0
2	**HTCTLH**										
	Hoàn thành	218	98,6%	201	100%	217	100%	225	100%	241	100%
	Chưa hoàn thành	3	1,4%	0	0	0	0	0	0	0	0
3	**Khen thưởng**										
	- Giấy khen cấp trường	151	69,3%	156	77,6%	123	56,7%	126	56%	133	55,2%
	- Giấy khen cấp trên	20	9,2%	37	18,4%	17	7,8%	35	15,6%	126	52,3%

2.5. Kết quả học sinh tham gia các hội thi, các sân chơi trí tuệ các cấp

a) Tham gia các cuộc thi, Hội thi và giao lưu:

- Tuyên truyền, động viên học sinh tham gia đầy đủ, có hiệu quả các cuộc thi, các cuộc giao lưu của các cấp tổ chức, các sân chơi qua mạng như: Toán quốc tế

TIMO, HKIMO; Đấu trường toán học Vioedu các cấp; Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng Nguyên toàn tài các cấp; Chương trình English Challenge Cuộc thi TOEFL Primary, …

b) Các phong trào thi đua và các cuộc vận động

Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành và của cấp trên như: Phong trào thi đua dạy tốt – học tốt, đổi mới sáng tạo trong dạy và học; Lao động giỏi, Lao động sáng tạo; "Giỏi việc nước - Đảm việc nhà"; xây dựng trường lớp "Xanh, sạch, đẹp, an toàn". Các cuộc vận động: Dân chủ, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm; ….

2.6. Kết quả điểm kiểm tra định kỳ cuối năm, đối sánh với các trường khác trong thành phố.

Bảng tổng hợp dự kiến kết quả điểm kiểm tra định kỳ cuối năm

(Phụ lục PL8)

3. Bảo đảm lợi ích của xã hội

Lợi ích của xã hội, được đánh giá thể hiện qua các nội dung sau:

3.1. Khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của nhà trường

Trong các kì họp CMHS toàn trường, nhà trường thực hiện dùng phiếu khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn theo ba mức: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao. Đây là kênh thông tin tham khảo quan trọng để nhà trường có biện pháp phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh, cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của CMHS chỉ có tính chất tham khảo, không lấy kết quả này để xếp loại GV.

Bản kết quả khảo sát mức độ hài lòng từng lớp.

Khối	Lớp	Giáo viên	Chưa hài lòng		Hài lòng		Hài lòng cao	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	1A	Chủ nhiệm			5	14%	30	86%
		Tiếng Anh			7	20%	28	80%
		Tin học			8	23%	27	77%
		Mỹ thuật			7	20%	28	80%
		Âm nhạc			9	26%	26	74%
		Thể dục			7	20%	28	80%
2	1B	Chủ nhiệm			2	6%	34	94%

		Tiếng Anh			4	11%	32	89%
		Tin học			4	11%	32	89%
		Mỹ thuật			3	8%	33	92%
		Âm nhạc			2	6%	34	94%
		Thể dục			1	3%	35	97%
3	**1C**	Chủ nhiệm			2	5%	38	95%
		Tiếng Anh			4	10%	36	90%
		Tin học			4	10%	36	90%
		Mỹ thuật			4	10%	36	90%
		Âm nhạc			4	10%	36	90%
		Thể dục			4	10%	36	90%
4	**1D**	Chủ nhiệm			3	8%	36	92%
		Tiếng Anh			5	13%	34	87%
					5	13%	34	87%
		Mỹ thuật			5	13%	34	87%
		Âm nhạc			5	13%	34	87%
		Thể dục			5	13%	34	87%
5	**1E**	Chủ nhiệm			4	11%	32	89%
		Tiếng Anh			7	19%	29	81%
		Tin học			7	19%	29	81%
		Mỹ thuật			8	22%	28	78%
		Âm nhạc			8	22%	28	78%
		Thể dục			8	22%	28	78%
6	**1G**	Chủ nhiệm			2	6%	32	94%
		Tiếng Anh			6	18%	28	82%
		Tin học			6	18%	28	82%
		Mỹ thuật			6	18%	28	82%
		Âm nhạc			6	18%	28	82%
		Thể dục			6	18%	28	82%
7	**2A**	Chủ nhiệm			2	5%	36	95%
		Tiếng Anh			4	11%	34	89%
		Tin học			5	13%	33	87%
		Mỹ thuật			5	13%	33	87%
		Âm nhạc			5	13%	33	87%
		Thể dục			5	13%	33	87%

8	**2B**	Chủ nhiệm			2	5%	40	95%
		Tiếng Anh			6	14%	36	86%
		Tin học			6	14%	36	86%
		Mỹ thuật			6	14%	36	86%
		Âm nhạc			7	17%	35	83%
		Thể dục			7	17%	35	83%
9	**2C**	Chủ nhiệm			4	10%	35	90%
		Tiếng Anh			12	31%	27	69%
		Tin học			11	28%	28	72%
		Mỹ thuật			11	28%	28	72%
		Âm nhạc			12	31%	27	69%
		Thể dục			11	28%	28	72%
10	**2D**	Chủ nhiệm			3	7%	38	93%
		Tiếng Anh			11	27%	30	73%
		Tin học			11	27%	30	73%
		Mỹ thuật			11	27%	30	73%
		Âm nhạc			11	27%	30	73%
		Thể dục			11	27%	30	73%
11	**2E**	Chủ nhiệm			4	10%	37	90%
		Tiếng Anh			12	29%	29	71%
		Tin học			12	29%	29	71%
		Mỹ thuật			12	29%	29	71%
		Âm nhạc			12	29%	29	71%
		Thể dục			12	29%	29	71%
12	**3A**	Chủ nhiệm			2	5%	38	95%
		Tiếng Anh			5	13%	35	88%
		Tin học			7	18%	33	83%
		Mỹ thuật			6	15%	34	85%
		Âm nhạc			7	18%	33	83%
		Thể dục			6	15%	34	85%
13	**3B**	Chủ nhiệm			1	3%	36	97%
		Tiếng Anh			4	11%	33	89%
		Tin học			4	11%	33	89%
		Mỹ thuật			5	14%	32	86%
		Âm nhạc			5	14%	32	86%

		Thể dục			5	14%	32	86%
14	**3C**	Chủ nhiệm			4	10%	35	90%
		Tiếng Anh			8	21%	31	79%
		Tin học			8	21%	31	79%
		Mỹ thuật			8	21%	31	79%
		Âm nhạc			8	21%	31	79%
		Thể dục			8	21%	31	79%
15	**3D**	Chủ nhiệm			5	14%	30	86%
		Tiếng Anh			6	17%	29	83%
		Tin học			6	17%	29	83%
		Mỹ thuật			6	17%	29	83%
		Âm nhạc			6	17%	29	83%
		Thể dục			6	17%	29	83%
16	**3E**	Chủ nhiệm			5	15%	28	85%
		Tiếng Anh			7	21%	26	79%
		Tin học			8	24%	25	76%
		Mỹ thuật			7	21%	26	79%
		Âm nhạc			8	24%	25	76%
		Thể dục			7	21%	26	79%
17	**3G**	Chủ nhiệm			7	22%	25	78%
		Tiếng Anh			9	28%	23	72%
		Tin học			12	38%	20	63%
		Mỹ thuật			12	38%	20	63%
		Âm nhạc			12	38%	20	63%
		Thể dục			11	34%	21	66%
18	**4A**	Chủ nhiệm			2	5%	37	95%
		Tiếng Anh			7	18%	32	82%
		Tin học			6	15%	33	85%
		Mỹ thuật			7	18%	32	82%
		Âm nhạc			7	18%	32	82%
		Thể dục			7	18%	32	82%
19	**4B**	Chủ nhiệm			4	11%	32	89%
		Tiếng Anh			8	22%	28	78%
		Tin học			9	25%	27	75%
		Mỹ thuật			10	28%	26	72%

		Âm nhạc			10	28%	26	72%
		Thể dục			8	22%	28	78%
20	**4C**	Chủ nhiệm			3	9%	32	91%
		Tiếng Anh			5	14%	30	86%
		Tin học			5	14%	30	86%
		Mỹ thuật			5	14%	30	86%
		Âm nhạc			5	14%	30	86%
		Thể dục			5	14%	30	86%
21	**4D**	Chủ nhiệm			5	12%	36	88%
		Tiếng Anh			5	12%	36	88%
		Tin học			5	12%	36	88%
		Mỹ thuật			5	12%	36	88%
		Âm nhạc			5	12%	36	88%
		Thể dục			5	12%	36	88%
22	**4E**	Chủ nhiệm			7	17%	35	83%
		Tiếng Anh			12	29%	30	71%
		Tin học			14	33%	28	67%
		Mỹ thuật			13	31%	29	69%
		Âm nhạc			14	33%	28	67%
		Thể dục			14	33%	28	67%
23	**4G**	Chủ nhiệm			4	12%	29	88%
		Tiếng Anh			5	15%	28	85%
		Tin học			4	12%	29	88%
		Mỹ thuật			5	15%	28	85%
		Âm nhạc			5	15%	28	85%
		Thể dục			4	12%	29	88%
24	**5A**	Chủ nhiệm			2	5%	36	95%
		Tiếng Anh			4	11%	34	89%
		Tin học			4	11%	34	89%
		Mỹ thuật			4	11%	34	89%
		Âm nhạc			4	11%	34	89%
		Thể dục			4	11%	34	89%
25	**5B**	Chủ nhiệm			3	7%	39	93%
		Tiếng Anh			4	10%	38	90%
		Tin học			5	12%	37	88%

		Mỹ thuật			13	31%	29	69%
		Âm nhạc			13	31%	29	69%
		Thể dục			12	29%	30	71%
26	**5C**	Chủ nhiệm			5	13%	33	87%
		Tiếng Anh			9	24%	29	76%
		Tin học			9	24%	29	76%
		Mỹ thuật			9	24%	29	76%
		Âm nhạc			13	34%	25	66%
		Thể dục			9	24%	29	76%
27	**5D**	Chủ nhiệm			3	8%	37	93%
		Tiếng Anh			11	28%	29	73%
		Tin học			13	33%	27	68%
		Mỹ thuật			12	30%	28	70%
		Âm nhạc			12	30%	28	70%
		Thể dục			12	30%	28	70%
28	**5E**	Chủ nhiệm			4	10%	37	90%
		Tiếng Anh			11	27%	30	73%
		Tin học			12	29%	29	71%
		Mỹ thuật			12	29%	29	71%
		Âm nhạc			13	32%	28	68%
		Thể dục			12	29%	29	71%
29	**5G**	Chủ nhiệm			4	10%	38	90%
		Tiếng Anh			12	29%	30	71%
		Tin học			13	31%	29	69%
		Mỹ thuật			14	33%	28	67%
		Âm nhạc			14	33%	28	67%
		Thể dục			13	31%	29	69%

3.2. Khảo sát mức độ hài lòng của GV tiếp nhận học sinh tiếp tục học lên ở lớp sau

Vào đầu năm học, trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn về chất lượng học sinh của lớp theo ba mức độ: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao; hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng dạy học của GV năm học trước.

Việc khảo sát mức độ hài lòng của GV về chất lượng của học sinh *(khảo sát GV khối 2 về chất lượng học sinh khối 1, GV khối 3 đối với học sinh khối 2, GV khối 4 đối với học sinh khối 3, GV khối 5 đối với học sinh khối 4*) chỉ có tính chất tham

khảo để Trường có sự chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp đối với hoạt động dạy học, giáo dục của GV; kết quả khảo sát không thay thế việc đánh giá, xếp loại học sinh đã thực hiện ở năm học trước.

3.3. Mức độ hình thành các năng lực cho học sinh

- Nhà trường chỉ đạo GV chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kĩ năng mềm,....để học sinh sớm hình thành các năng lực: tự phục vụ tự quản, giao tiếp và hợp tác; tự học và tự giải quyết vấn đề để đáp ứng yêu cầu công việc.

- Ngoài các tiết học, Trường chú trọng phối hợp CMHS, các chuyên gia, người có uy tín,…tổ chức các hoạt động chuyên đề, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm,…để qua đó hình thành các năng lực chung cho học sinh.

- Tổ chức khảo sát mức độ hình thành các năng lực: giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo theo từng khối lớp.

4. Tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh

4.1. Hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh vào trường THCS.

Nhà trường phối hợp với trường THCS Nghi Ân tư vấn cho học sinh xét tuyển (*hoặc thi tuyển*) vào trường THCS phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của từng em, thông qua: hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

Thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục THCS, nhà trường tư vấn cho học sinh lớp 5 vào học trường THCS tại địa bàn để bảo đảm thuận lợi cho việc đi lại, học tập. Riêng đối với học sinh có năng lực, kết quả học tập tốt, nhà trường tư vấn cho các em dự tuyển vào các lớp trọng điểm của trường THCS chất lượng cao Đặng Thai Mai, giúp các em phát huy tốt năng lực, sở trường cá nhân. Những em có năng khiếu nổi trội (*Bơi, bóng đá, cờ vua, âm nhạc,múa,...),* trường tư vấn, tạo điều kiện cho các em thi vào các trung tâm đào tạo của thành phố, của tỉnh.

4.2. Tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh

Hiệu trưởng phối hợp với các trường THCS để tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh của các trường THCS chất lượng cao, trường năng khiếu, nghệ thuật… thông qua: chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi, phát thanh măng non để thông tin về tuyển sinh cho học sinh và cha mẹ học sinh.

BGH cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của trường năng khiếu, nghệ thuật, trường THCS chất lượng cao trên địa bàn để học sinh cân nhắc, lựa chọn; có định hướng phấn đấu để thực hiện mục tiêu đã lựa chọn.

4.3. Phối hợp với Tổ tuyển sinh của trường năng khiếu nghệ thuật, trường THCS trọng điểm, chất lượng cao

Hiệu trưởng phối hợp với Tổ tuyển sinh của trường năng khiếu nghệ thuật, trường THCS trọng điểm, chất lượng cao tổ chức các chương trình tư vấn cho học sinh bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn như: ngày hội tư vấn tuyển sinh, cẩm nang tư vấn tuyển sinh,.. đến 100% học sinh cuối cấp của trường.

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ học sinh được tổ chức trong cả năm học (*để học sinh có thông tin, có định hướng*) nhưng tập trung vào những tháng cuối năm học *(tháng 4, tháng 5)* để giúp học sinh có lựa chọn cụ thể.

5. Thu thập thông tin phản hồi từ các trường THCS về học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học

5.1. Nhà trường thống kê số lượng học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu nghệ thuật.

Trường tổ chức thống kê, tổng hợp số lượng học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu nghệ thuật *(nếu có),* thông qua việc điều tra phổ cập tận hộ gia đình, qua GV chủ nhiệm, qua các kênh thông tin khác,…

Bảng thống kê số lượng học sinh lớp 5 sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu nghệ thuật.

Số học sinh lớp 5 năm học 2025-2026	Số học sinh được vào học các lớp trường THCS CLC Đặng Thai Mai	Số học sinh được vào học các lớp khác trường THCS Nghi Ân	Số học sinh được vào học các trường năng khiếu khác
241	5 em	236	0

5.2. Tổ chức thu thập thông tin về chất lượng học sinh sau khi vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu nghệ thuật (*nếu có****)***

Vào tháng 9 năm 2025, Trường chủ động phối hợp với trường THCS Nghi Ân và các trường khác có học sinh trường mình vào học để thu thập thông tin về chất lượng học sinh để có cơ sở điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo các hoạt động chung của nhà trường cũng như hoạt động dạy học cho năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

Việc nắm thông tin nhà trường sẽ thực hiện qua các hình thức: phỏng vấn trực tiếp, lấy ý kiến đánh giá qua phiếu,..vv. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các trường THCS về sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học sẽ được nhà trường thực hiện hoàn thành trong tháng 9, tháng 10 năm 2025 để trường kịp điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo (*nếu cần thiết*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí phục vụ nhiệm vụ BĐCL cần được xây dựng, dự toán cụ thể để thực hiện hiệu quả Kế hoạch BĐCL trong năm học của Trường, bao gồm:

1. Kinh phí

Đầu năm học BGH và bộ phân Tài vụ xây dựng dự trù kinh phí phục vụ các nhiệm vụ Kế hoạch BĐCL của trường gồm các nội dung sau:

- Kinh phí chi cho con người (*lương, các khoản phụ cấp,...): 7.653.750.000 đ*
- Kinh phí bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC, trang thiết bị phục vụ các hoạt động của nhà trường: 545.432.000 đ
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng,.. cho CBQL,GV, NV: 10.000.000 đ

- Kinh phí phục vụ các hoạt động chuyên môn dạy và học, hoạt động giáo dục: 30.000.000 đ
- Kinh phí hành chính của nhà trường: 20.000.000 đ
- Kinh phí thi đua, khen thưởng: 18.000.000 đ
- Kinh phí dự phòng khác: 15.000.000 đ

Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch ĐBCL nhà trường năm học 2025–2026

TT	Nội dung kế hoạch	Kinh phí thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Phân tích nhu cầu, bối cảnh nhà trường	0		
2	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, mục tiêu chương trình giáo dục	0		
3	Xác định chuẩn đầu ra	0		
4	Chương trình giáo dục	15.000.000	Ngân sách	
5	Xây dựng văn hóa nhà trường	0		
6	Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	15.000.000	Ngân sách	
7	Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	318.703.600	Vận động tài trợ: 327.829.330 đ Ngân sách: 45.200.000 đ	
8	Công tác kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch	10.000.000	Ngân sách	
9	Khảo sát giáo viên, phụ huynh, học sinh, các bên liên quan về các hoạt động nhà trường	10.000.000	Ngân sách	
10	Công tác sơ kết, tổng kết, khen thưởng	18.000.000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	

VII . TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Tổ bảo đảm chất lượng

Thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong tổ và các tổ chức, cá nhân trong trường để thực hiện hiệu quả Kế hoạch BĐCL năm học của Trường.

2. Lãnh đạo nhà trường

a. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các bộ phận, thành viên trong trường, quản trị các hoạt động, bảo đảm các điều kiện để thực hiện thành công kế hoạch BĐCL năm học, thực hiện đúng cam kết BĐCL với Trưởng phòng GDĐT.

Xây dựng kế hoạch ĐBCL có tính khả thi, chỉ đạo các thành viên phụ trách từng nhiệm vụ hoàn thành nội dung công việc theo sự phân công, đáp ứng được các yêu cầu mà kế hoạch ĐBCL đã đưa ra.

b. Phó Hiệu trưởng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc được Hiệu trưởng phân công, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch BĐCL năm học của trường.

3. Các tổ chức đoàn thể

a. Chi bộ nhà trường.

Bí thư chi bộ lãnh đạo các hoạt động trong nhà trường theo đúng mục tiêu giáo dục đào tạo nhằm xây dựng nhà trường không ngừng phát triển. Ban Giám hiệu điều hành hoạt động chuyên môn bằng kế hoạch không tách rời với Nghị quyết của Chi bộ, bám sát vào kế hoạch ĐBCL để điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động trong nhà trường.

b. Tổ chức Công đoàn nhà trường

Nhận thức sâu sắc về vai trò, chức năng của tổ chức Công đoàn trong nhà trường, vì vậy trong quá trình công tác, Tổ chức công đoàn có vai trò, chức năng quan trọng đối với mọi hoạt động trong nhà trường, thúc đẩy tích cực công tác chuyên môn. Tổ chức công đoàn phối hợp tốt với các tổ chức khác tham mưu để bố trí, phân công giảng dạy một cách hợp lí, phù hợp với sở trường công tác của từng giáo viên, phân công thời khóa biểu một cách khoa học. Chính bởi vậy hoạt động Công đoàn thực sự trở thành nhân tố thúc đẩy chuyên môn, là một trong những yếu tố quyết định cho kết quả ĐBCL trong năm học.

c. Tổ CM

Tổ chức, hướng dẫn các thành viên thực hiện tốt các nhiệm vụ BĐCL được giao của Tổ, thực hiện tốt các mục tiêu BĐCL của nhà trường, hỗ trợ GV thực hiện đúng cam kết BĐCL đã ký với Hiệu trưởng.

d. Tổ chức Đội

Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ BĐCL thuộc trách nhiệm của Liên đội, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch BĐCL nhà trường.

4. Giáo viên

Chủ động, sáng tạo thực hiện nhiệm vụ BĐCL của môn, lớp phụ trách; thực hiện đúng cam kết BĐCL đã ký với Hiệu trưởng.

5. Nhân viên

Hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch BĐCL năm học của Trường; bảo đảm các điều kiện để thực hiện hiệu quả các mục tiêu BĐCL.

Trên đây là kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026 của trường Tiểu học Nghi Ân, kế hoạch này được báo cáo Ủy ban nhân dân phường Vinh Phú, được thông qua hội đồng sư phạm nhà trường và là căn cứ định hướng cho việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

Nơi nhận:
- UBND phường Vinh Phú;
- Thành viên BCĐ;
- Lưu VT.

Nghi Ân, ngày 17 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VINH PHÚ TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI ÂN

Phạm Thu Hiền